

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV NEW FILE**

Giảng viên hướng dẫn	: TS. Trần Thượng Bích La
Sinh viên thực hiện	: Ngô Thị Minh Thư
Mã số sinh viên	: 2254010024
Khóa học	: 2022 - 2026
Lớp	: 22KH1

Đà Nẵng, Tháng 5 năm 2026

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 03 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 - 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên : Ngô Thị Minh Thư
- Chuyên ngành : Kế toán
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Khóa học : 2022 - 2026

2. Tên đề tài khóa luận tốt nghiệp: KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV NEW FILE

3. Cán bộ hướng dẫn: TS. Trần Thượng Bích La

4. Ngày giao nhiệm vụ làm khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

5. Ngày sinh viên hoàn thành khóa luận tốt nghiệp: 25/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	1
1.1. Khái quát chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	1
1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	1
1.1.2. Vai trò, nhiệm vụ và ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	1
1.2. Kế toán doanh thu, thu nhập	3
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3
1.2.1.1. Khái niệm.....	3
1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu.....	3
1.2.1.3. Nguyên tắc hạch toán.....	3
1.2.1.4. Các phương thức bán hàng và các phương thức thanh toán.....	3
1.2.1.5. Chứng từ sử dụng.....	5
1.2.1.6. Tài khoản sử dụng.....	5
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	8
1.2.2.1. Khái niệm.....	8
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng.....	8
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng.....	9
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán.....	9
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	9
1.2.3.1. Khái niệm.....	9
1.2.3.2. Chứng từ sử dụng.....	9
1.2.3.3. Tài khoản sử dụng.....	10
1.2.3.4. Phương pháp hạch toán.....	11
1.2.4. Kế toán thu nhập khác.....	12
1.2.4.1. Khái niệm.....	12
1.2.4.2. Chứng từ sử dụng.....	12
1.2.4.3. Tài khoản sử dụng.....	12
1.2.4.4. Phương pháp hạch toán.....	12
1.3. Kế toán chi phí	13
1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	13
1.3.1.1. Khái niệm.....	13
1.3.1.2. Phương pháp xác định giá vốn hàng bán.....	14
1.3.1.3. Chứng từ sử dụng.....	15
1.3.1.4. Tài khoản sử dụng.....	15

1.3.1.5. Phương pháp hạch toán.....	17
1.3.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	18
1.3.2.1. Khái niệm.....	18
1.3.2.2. Chứng từ sử dụng.....	18
1.3.2.3. Tài khoản sử dụng.....	18
1.3.2.4. Phương pháp hạch toán.....	20
1.3.3. Kế toán chi phí tài chính	21
1.3.3.1. Khái niệm.....	21
1.3.3.2. Tài khoản sử dụng.....	21
1.3.3.3. Phương pháp hạch toán.....	22
1.3.4. Kế toán chi phí khác	22
1.3.4.1. Khái niệm.....	22
1.3.4.2. Chứng từ sử dụng.....	23
1.3.4.3. Tài khoản sử dụng.....	23
1.3.4.4. Phương pháp hạch toán.....	24
1.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	24
1.3.5.1. Khái niệm.....	24
1.3.5.2. Chứng từ sử dụng.....	25
1.3.5.3. Tài khoản sử dụng.....	25
1.3.5.4. Phương pháp hạch toán.....	26
1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	26
1.4.1. Khái niệm.....	26
1.4.2. Tài khoản sử dụng	27
1.4.3. Phương pháp hạch toán.....	28
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC	
ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV NEW FILE ..	29
2.1. Giới thiệu về Công ty TNHH MTV New File	29
2.1.1. Giới thiệu chung về Công ty TNHH MTV New File	29
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH MTV New File	29
2.1.3. Đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của Công ty TNHH MTV New File	29
2.1.3.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh	29
2.1.3.2. Chức năng	30
2.1.3.3. Nhiệm vụ.....	30
2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH MTV New File	31
2.1.4.1. Khái quát bộ máy quản lý tại công ty	31
2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận	31

2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH MTV New File	32
2.1.5.1. Khái quát bộ máy kế toán tại công ty	32
2.1.5.2. Chức năng, nhiệm vụ từng bộ phận.....	33
2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán	33
2.1.7. Chế độ, chính sách kế toán	35
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV New File	35
2.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập	35
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	35
2.2.1.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	35
2.2.1.1.2. Chứng từ sử dụng.....	36
2.2.1.1.3. Tài khoản sử dụng.....	36
2.2.1.1.4. Sổ sách sử dụng	36
2.2.1.1.5. Minh họa kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công Ty TNHH MTV New File.....	36
2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH MTV New File	44
2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH MTV New File	44
2.2.1.3.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính.....	44
2.2.1.3.2. Chứng từ sử dụng.....	44
2.2.1.3.3. Tài khoản sử dụng.....	44
2.2.1.3.4. Sổ sách kế toán sử dụng.....	44
2.2.1.3.5. Trình tự ghi sổ.....	44
2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH MTV New File.....	48
2.2.2. Kế toán chi phí	48
2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH MTV New File.....	48
2.2.2.1.1. Phương pháp xác định giá vốn hàng bán.....	48
2.2.2.1.3. Chứng từ sử dụng.....	48
2.2.2.1.4. Tài khoản sử dụng.....	48
2.2.2.1.5. Sổ sách sử dụng	48
2.2.2.1.6. Trình tự ghi sổ.....	49
2.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	56
2.2.2.2.1. Chi phí bán hàng	56
2.2.2.2.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp.....	59
2.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính	66

2.2.2.4. Kế toán chi phí khác	66
2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	66
2.2.3. Xác định kết quả kinh doanh	67
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV NEW FILE	72
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán tại Công ty TNHH MTV New File.....	72
3.1.1. Ưu điểm.....	72
3.1.2. Nhược điểm.....	73
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV New File.....	74
KẾT LUẬN	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1: Hóa đơn 428 ngày 27 tháng 12 năm 2025	38
Hình 2.2: Giao diện đăng nhập phần mềm Trí Việt	38
Hình 2.3: Giao diện tiến hành nhập hóa đơn	39
Hình 2.4: Giao diện hóa đơn bán hàng số 428 ngày 27/12/2025	39
Hình 2.5: Hóa đơn 432 ngày 30 tháng 12 năm 2025	40
Hình 2.6: Giao diện tiến hành nhập hóa đơn	41
Hình 2.7: Giao diện hóa đơn bán hàng số 432 ngày 30/12/2025	41
Hình 2.8: Sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có ngày 18/1/2025	45
Hình 2.9: Giao diện tiến hành nhập lãi tiền gửi	45
Hình 2.10: Giao diện phần mềm hạch toán lãi tiền gửi ngày 18/1/2025	46
Hình 2.11: Giao diện khai báo ban đầu trên phần mềm Trí Việt	49
Hình 2.12: Giao diện cập nhật số liệu giá vốn trên phần mềm Trí Việt	50
Hình 2.13: Giao diện phiếu xuất sản xuất của hóa đơn GTGT 428 trên phần mềm Trí Việt	50
Hình 2.14: Phiếu xuất kho của hóa đơn GTGT 428	51
Hình 2.15: Giao diện phiếu xuất sản xuất của hóa đơn GTGT 432 trên phần mềm Trí Việt	52
Hình 2.16: Phiếu xuất kho của hóa đơn GTGT 432	52
Hình 2.17: Giao diện thực hiện kết chuyển số dư cuối kỳ	53
Hình 2.18: Giao diện kết chuyển - khóa sổ	53
Hình 2.19: Bảng chấm công Tháng 11 năm 2025	57
Hình 2.20: Bảng tính lương nhân viên Tháng 11 năm 2025	57
Hình 2.21: Giao diện tiến hành nhập phiếu chi tiền mặt	58
Hình 2.22: Giao diện nhập chi lương nhân viên tháng 11 năm 2025 trên phần mềm Trí Việt	58
Hình 2.23: Giao diện tiến hành phân bổ công cụ dụng cụ	59
Hình 2.24: Giao diện phân bổ CCDC trên phần mềm Trí Việt	59
Hình 2.25: Giao diện tiến hành nhập phiếu chi tiền vệ sinh	61
Hình 2.26: Giao diện nhập phiếu chi theo HĐ 131381 trên phần mềm Trí Việt	61
Hình 2.27: Giao diện tiến hành kết chuyển số dư cuối kỳ	68
Hình 2.28: Giao diện kết chuyển - khóa sổ	68
Hình 2.29: Giao diện xem bút toán kết chuyển tự động	69

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng.....	6
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu thu được từ bán hàng trả chậm, trả góp	7
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị giao hàng đại lý	7
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị nhận làm đại lý	8
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	9
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	11
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán kế toán thu nhập khác	13
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên.....	17
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ ..	17
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	20
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính.....	22
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí khác	24
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	26
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh	28
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty	31
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán.....	32
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hình thức ghi sổ kế toán	34
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ ghi sổ kế toán trên phần mềm Trí Việt	34

DANH MỤC VIẾT TẮT

Công ty TNHH MTV	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
GTGT	Giá trị gia tăng
TK	Tài khoản
KH	Khách hàng
HĐKT	Hợp đồng kinh tế
TSCĐ	Tài sản cố định
XNK	Xuất nhập khẩu
TTDB	Tiêu thụ đặc biệt
BVMT	Bảo vệ môi trường
HTK	Hàng tồn kho
BĐS	Bất động sản
PP	Phương pháp
K/C	Kết chuyển
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
HĐTC	Hoạt động tài chính
TC	Tài chính
QLKD	Quản lý kinh doanh
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành chặng đường học tập tại trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng và chuẩn bị hành trang bước vào thực tế, em đã dành nhiều tâm huyết cho đề tài nghiên cứu tốt nghiệp lần này. Quá trình triển khai và hoàn thiện đề tài đã giúp em nhận được rất nhiều sự chỉ dẫn quý báu từ quý thầy cô cùng các anh chị đồng nghiệp đi trước.

Trước hết, em xin cảm ơn quý thầy cô giáo Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã truyền đạt cho em những kiến thức nền tảng và tư duy chuyên môn vững chắc trong suốt những năm học qua. Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến giảng viên hướng dẫn – TS. Trần Thượng Bích La. Cô đã luôn dành thời gian định hướng, phản biện và đưa ra những góp ý chuyên môn khắt khe để em hoàn thiện bài nghiên cứu một cách chín chu nhất. Em cũng xin chân thành cảm ơn Ban Giám đốc cùng tập thể anh chị tại công ty TNHH MTV New File đã tạo điều kiện cho em thực tập, tiếp cận thực tế và hỗ trợ số liệu cần thiết để làm đề tài.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình thực hiện, song do kiến thức và kinh nghiệm của bản thân còn hạn chế nên khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện nền kinh tế ngày càng phát triển và cạnh tranh gay gắt như hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển bền vững không chỉ cần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh mà còn phải chú trọng đến công tác quản lý tài chính. Trong đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh giữ vai trò đặc biệt quan trọng, giúp doanh nghiệp phản ánh chính xác tình hình hoạt động, kiểm soát doanh thu, chi phí và cung cấp thông tin cần thiết cho nhà quản lý trong việc đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp.

Nhận thấy tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, em đã lựa chọn đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH MTV New File” làm đề tài nghiên cứu cho khóa luận tốt nghiệp. Thông qua đề tài, em mong muốn tìm hiểu thực trạng công tác kế toán tại doanh nghiệp, từ đó đánh giá những ưu điểm, hạn chế và đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán tại đơn vị.

Khóa luận là cơ hội để em hệ thống lại những kiến thức đã được học tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, đồng thời vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, qua đó nâng cao kiến thức chuyên môn và tích lũy thêm kinh nghiệm cho công việc sau này.

Khóa luận tốt nghiệp gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH MTV New File.

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV New File.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Khái quát chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

a) Khái niệm doanh thu, thu nhập

Theo Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS): “Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu”.

b) Khái niệm chi phí

Theo khoản 7 điều 4 luật kế toán số 88/2015/QH13, chi phí được hiểu là: “Các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức tiền chi ra, tài sản bị giảm sút hoặc phát sinh nợ phải trả, dẫn đến giảm vốn chủ sở hữu, trừ trường hợp phân phối cho chủ sở hữu”.

c) Khái niệm xác định kết quả kinh doanh

Xác định kết quả kinh doanh là việc kế toán căn cứ vào số liệu đã ghi nhận để tổng hợp doanh thu, thu nhập và chi phí trong kỳ, qua đó xác định phần chênh lệch giữa chúng nhằm phản ánh kết quả lãi hoặc lỗ của doanh nghiệp.

1.1.2. Vai trò, nhiệm vụ và ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

a) Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò quan trọng trong hệ thống kế toán doanh nghiệp, vì đây là cơ sở để phản ánh đầy đủ, chính xác doanh thu, chi phí phát sinh và kết quả hoạt động kinh doanh trong từng kỳ kế toán. Thông qua đó, doanh nghiệp có thể xác định đúng kết quả kinh doanh, đánh giá hiệu quả hoạt động và khả năng sinh lời của đơn vị.

Bên cạnh chức năng phản ánh và cung cấp thông tin, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn là công cụ hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý. Các số liệu kế toán giúp nhà quản trị theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, kiểm soát chi phí, phân tích nguyên nhân biến động kết quả kinh doanh và làm căn cứ để đưa ra các quyết định quản lý phù hợp.

Ngoài ra, còn là cơ sở để lập báo cáo tài chính, xác định nghĩa vụ đối với Nhà nước, đồng thời đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin của các đối tượng liên quan. Do

đó, công tác kế toán này có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản lý và đánh giá chính xác tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có nhiệm vụ tổ chức ghi chép, phản ánh đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

Kế toán thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, tập hợp và hạch toán chính xác doanh thu, chi phí phát sinh, bảo đảm số liệu kế toán phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời, kế toán có nhiệm vụ xác định đúng kết quả kinh doanh trong từng kỳ kế toán, làm cơ sở để đánh giá hiệu quả hoạt động cũng như tình hình lãi, lỗ của doanh nghiệp. Ngoài ra, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn có nhiệm vụ cung cấp thông tin, số liệu phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, phân tích tình hình kinh doanh, đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định.

c) Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng trong việc phản ánh chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng kỳ. Đây là căn cứ để doanh nghiệp biết được hiệu quả hoạt động, khả năng tạo lợi nhuận và mức độ tiết kiệm hay lãng phí chi phí trong quá trình kinh doanh.

Thông tin do kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp còn giúp doanh nghiệp nhìn nhận đúng thực trạng hoạt động, từ đó có cơ sở đưa ra các quyết định phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trong tương lai. Ngoài ra, công tác này còn góp phần giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt doanh thu, chi phí và định hướng hoạt động kinh doanh theo mục tiêu đã đề ra.

1.2. Kế toán doanh thu, thu nhập

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Khái niệm

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

➤ Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh thu đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

➤ Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.2.1.3. Nguyên tắc hạch toán

Đối với cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo *phương pháp khấu trừ*, khi viết hóa đơn giá trị gia tăng phải ghi rõ giá bán chưa có thuế GTGT, các khoản phụ thu, thuế GTGT phải nộp và tổng giá thanh toán. Doanh thu bán hàng được phản ánh theo số tiền bán hàng chưa có thuế GTGT.

Đối với hàng hóa chịu thuế GTGT theo *phương pháp trực tiếp* thì doanh thu được phản ánh trên tổng giá thanh toán.

Đối với hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu thì doanh thu tính trên tổng giá mua bán.

1.2.1.4. Các phương thức bán hàng và các phương thức thanh toán

a) Các phương thức bán hàng

➤ Phương thức bán hàng trực tiếp:

Bên mua cử đại diện đến kho hoặc các phân xưởng của doanh nghiệp để nhận hàng. Doanh nghiệp xuất kho hàng hóa giao trực tiếp cho đại diện bên mua. Sau khi đại diện bên mua nhận đủ hàng, thanh toán tiền hoặc chấp nhận nợ, hàng hóa được xác định là tiêu thụ.

➤ Phương thức chuyển hàng:

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết hoặc theo đơn đặt hàng, doanh nghiệp xuất kho hàng hóa, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc đi thuê ngoài, chuyển hàng đến kho của bên mua hoặc một địa điểm nào đó bên mua quy định trong hợp đồng. Hàng hóa chuyển bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp thương mại. Chỉ khi nào bên mua kiểm nhận, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng chuyển giao mới được coi là tiêu thụ, người bán mất quyền sở hữu số hàng đã giao.

➤ Phương thức bán hàng thông qua đại lý:

Doanh nghiệp chuyển hàng đến hệ thống các đại lý theo các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng. Số hàng chuyển đến các đại lý này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được xác định là tiêu thụ. Sau khi kết thúc hợp đồng bán hàng, doanh nghiệp sẽ trả cho các đại lý một khoản thù lao về việc bán hàng này gọi là hoa hồng đại lý. Hoa hồng đại lý được tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng giá bán.

➤ Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp:

Người mua được trả tiền mua hàng thành nhiều lần. Doanh nghiệp, ngoài số tiền thu theo giá bán, thông thường còn thu thêm ở người mua một khoản lãi do trả chậm. Đối với hình thức này, về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua thanh toán hết tiền hàng. Tuy nhiên, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua, hàng hóa bán trả góp được coi là tiêu thụ, bên bán ghi nhận doanh thu.

b) Các phương thức thanh toán

Việc tiêu thụ hàng hóa chỉ được ghi nhận vào sổ sách kế toán khi doanh nghiệp đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa cho người mua và có bằng chứng chắc chắn rằng sẽ thu được tiền. Nói cách khác, doanh nghiệp phải thu được tiền bán hàng hoặc được khách hàng cam kết thanh toán một cách đáng tin cậy thì mới được ghi nhận trên sổ sách kế toán.

➤ Phương thức thanh toán bằng tiền mặt:

Việc chuyển giao quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng và việc thu tiền được thực hiện đồng thời và người bán sẽ nhận được ngay số tiền mặt tương ứng với số hàng hóa đã bán.

➤ Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt:

- Thanh toán qua ngân hàng: Ngân hàng đóng vai trò trung gian giữa doanh nghiệp và khách hàng, làm nhiệm vụ chuyển tiền từ tài khoản của người mua sang tài khoản của doanh nghiệp và ngược lại. Phương thức này có nhiều hình thức thanh toán như thanh toán bằng séc, thư tín dụng, thanh toán bù trừ, ủy nhiệm chi,... Phương thức này thường được sử dụng trong trường hợp mua hàng với số lượng lớn có giá trị lớn và đã mở tài khoản tại ngân hàng.

- Thanh toán bằng hình thức bù trừ công nợ: Hình thức thanh toán bù trừ công nợ là hình thức thanh toán bù trừ nghĩa vụ với nhau giữa các bên để xác định xem bên nào là bên cuối cùng có nghĩa vụ. Theo đó, các bên trong giao dịch mua bán, cung cấp dịch vụ sẽ đồng thời là người bán và người mua (vừa có công nợ phải thu, vừa có công nợ phải trả).

Hồ sơ thanh toán bù trừ công nợ bao gồm: Bảng công nợ; Hợp đồng mua bán, hợp đồng kinh tế hoặc hợp đồng thương mại; Biên bản nghiệm thu; Biên bản giao hàng hoặc biên bản xuất kho, Thanh lý hợp đồng; Bản đối chiếu công nợ; Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Thanh toán bằng hình thức ủy quyền thanh toán cho bên thứ ba (qua ngân hàng): Phương tiện để thực hiện phương thức thanh toán này là “Ủy nhiệm chi”, người trả tiền là người lập lệnh thanh toán theo mẫu cho tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (thường là ngân hàng) quy định, gửi cho ngân hàng nơi mình mở tài khoản, yêu cầu ngân hàng đó trích một số tiền nhất định trên tài khoản của mình để trả cho người thụ hưởng.

1.2.1.5. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT/ Hóa đơn bán hàng
- Biên bản giao nhận hàng hóa
- Hợp đồng kinh tế

Các chứng từ liên quan khác

1.2.1.6. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC: Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” có 4 tài khoản cấp 2

- *Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa*: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực,...

- *Tài khoản 5112 - Doanh thu bán thành phẩm*: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản

này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp,...

- *Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ*: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán,...

- *Tài khoản 5118 - Doanh thu khác*: Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước...

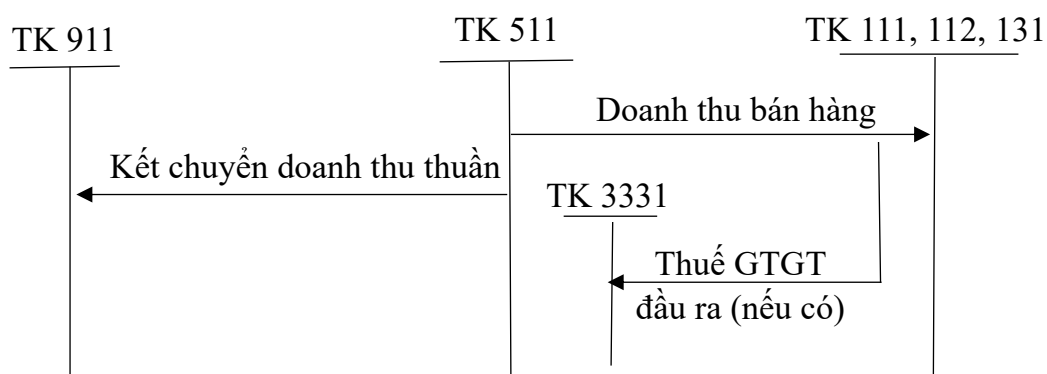
➤ Kết cấu của tài khoản:

NỢ	TK 511	CÓ
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT); - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại phát sinh trong kỳ; - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

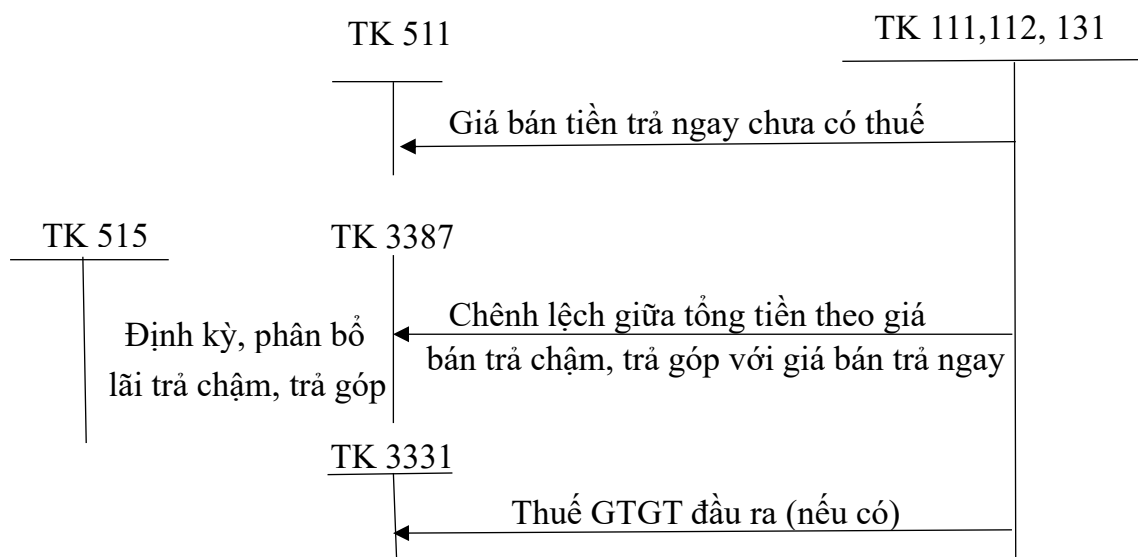
1.2.1.6. Phương pháp hạch toán

- Trường hợp doanh thu thu được từ bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng:



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng

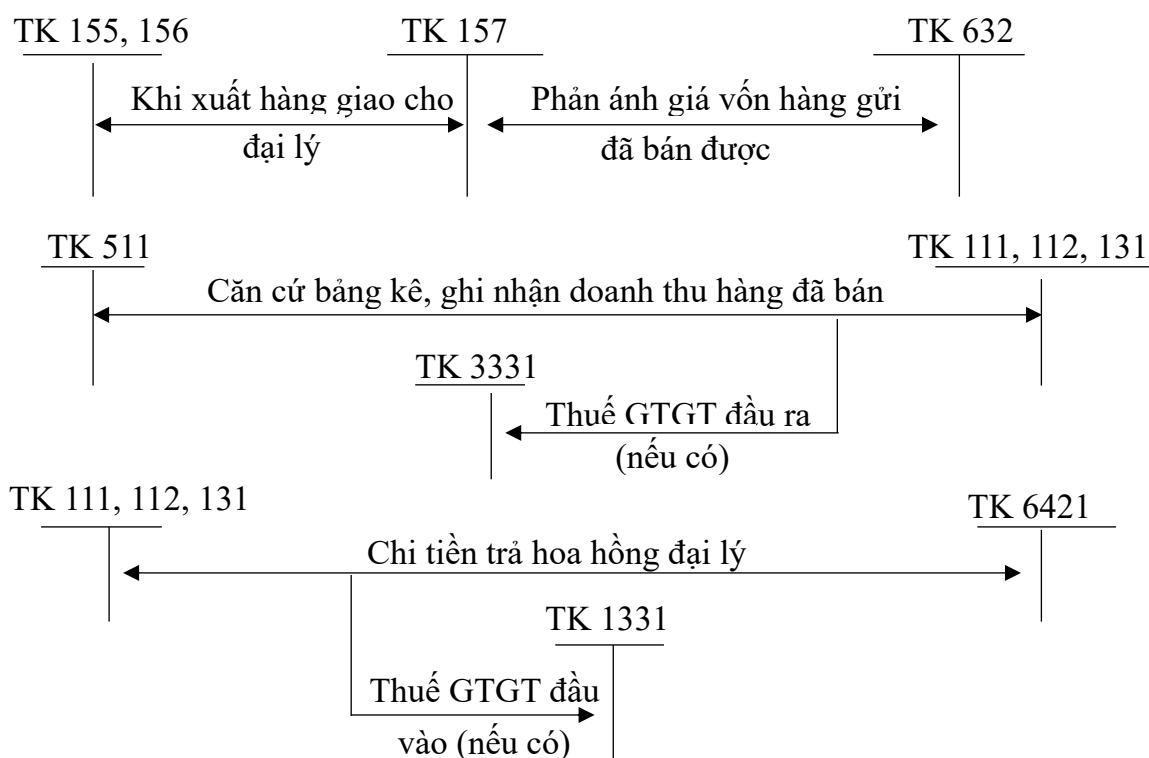
- Trường hợp doanh thu thu được từ bán hàng trả chậm, trả góp:



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu thu được từ bán hàng trả chậm, trả góp

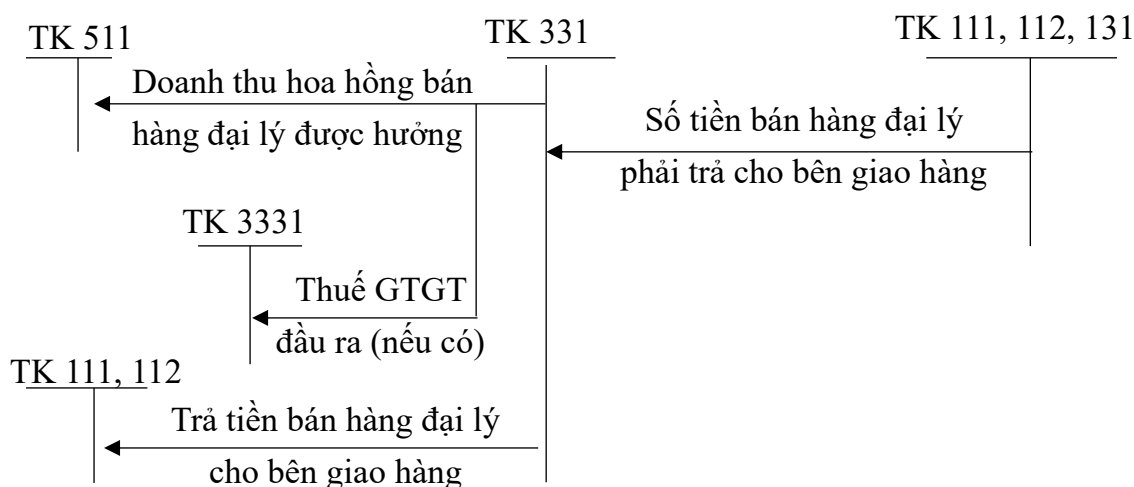
- Trường hợp bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng:

➤ Tại đơn vị giao hàng đại lý



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị giao hàng đại lý

➤ Tại đơn vị nhận đại lý:



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị nhận làm đại lý

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Khái niệm

Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- *Chiết khấu thương mại* là khoản doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách do mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết về mua bán.

- *Giảm giá hàng bán* là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém, mất phẩm chất, không đúng quy cách được quy định trong hợp đồng kinh tế.

- *Hàng bán bị trả lại* là hàng bị khách hàng trả lại do nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu bị trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu bị trả lại một phần hàng), đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng trên.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng

➤ Chiết khấu thương mại:

- Hóa đơn GTGT
- Biên bản chiết khấu thương mại

➤ Giảm giá hàng bán:

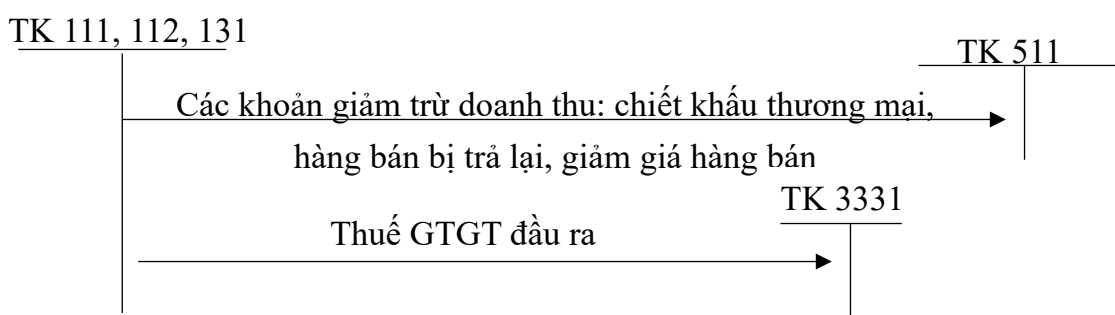
- Hóa đơn GTGT

- Biên bản giảm giá hàng bán
- Hóa đơn điều chỉnh kèm bản kê.
- Hàng bán bị trả lại:
 - Hóa đơn GTGT
 - Biên bản trả lại hàng bán
 - Chứng từ kèm theo: phiếu nhập kho, phiếu chi, giấy báo nợ

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

Theo Thông tư 133 kế toán sử dụng bên Nợ tài khoản 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm có: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và trả lại sản phẩm.

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.3.1. Khái niệm

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản đã thu hoặc sẽ thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn đem lại như: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia,... Cụ thể

+ Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu...

- + Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;
- + Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- + Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

1.2.3.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Sổ phụ ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác.

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ để sử dụng hạch toán là tài khoản 515 - “Doanh thu hoạt động tài chính”

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ;...

- Cổ tức, lợi nhuận doanh nghiệp được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác của doanh nghiệp.

- Lãi tỷ giá hối đoái, gồm cả lãi do doanh nghiệp bán ngoại tệ.

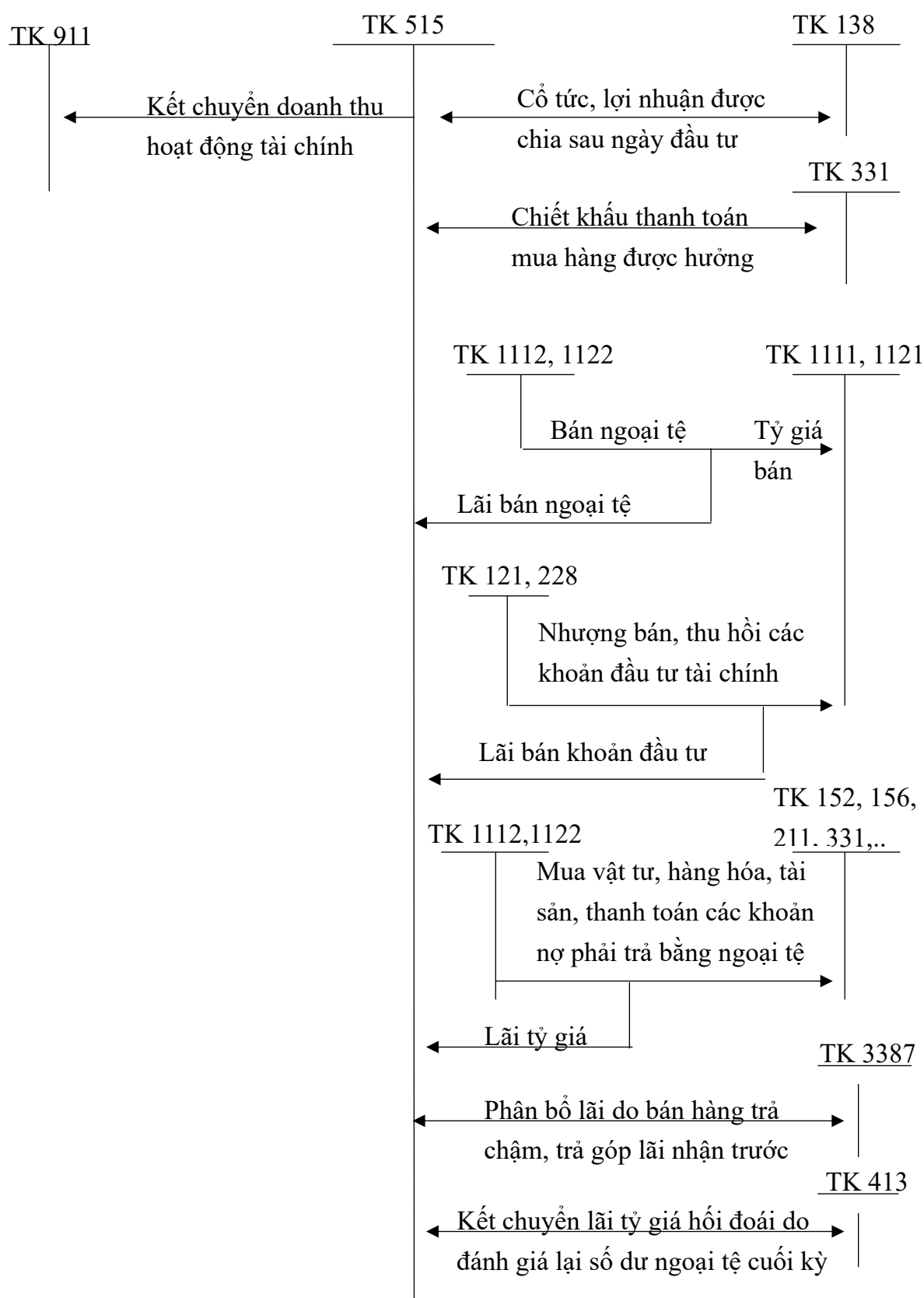
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

➤ Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 515	CÓ
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4. Kế toán thu nhập khác

1.2.4.1. Khái niệm

Thu nhập khác là những khoản góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu ngoài hoạt động tạo ra doanh thu, bao gồm thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng kinh tế, ...

1.2.4.2. Chứng từ sử dụng

- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Các chứng từ liên quan khác.

1.2.4.3. Tài khoản sử dụng

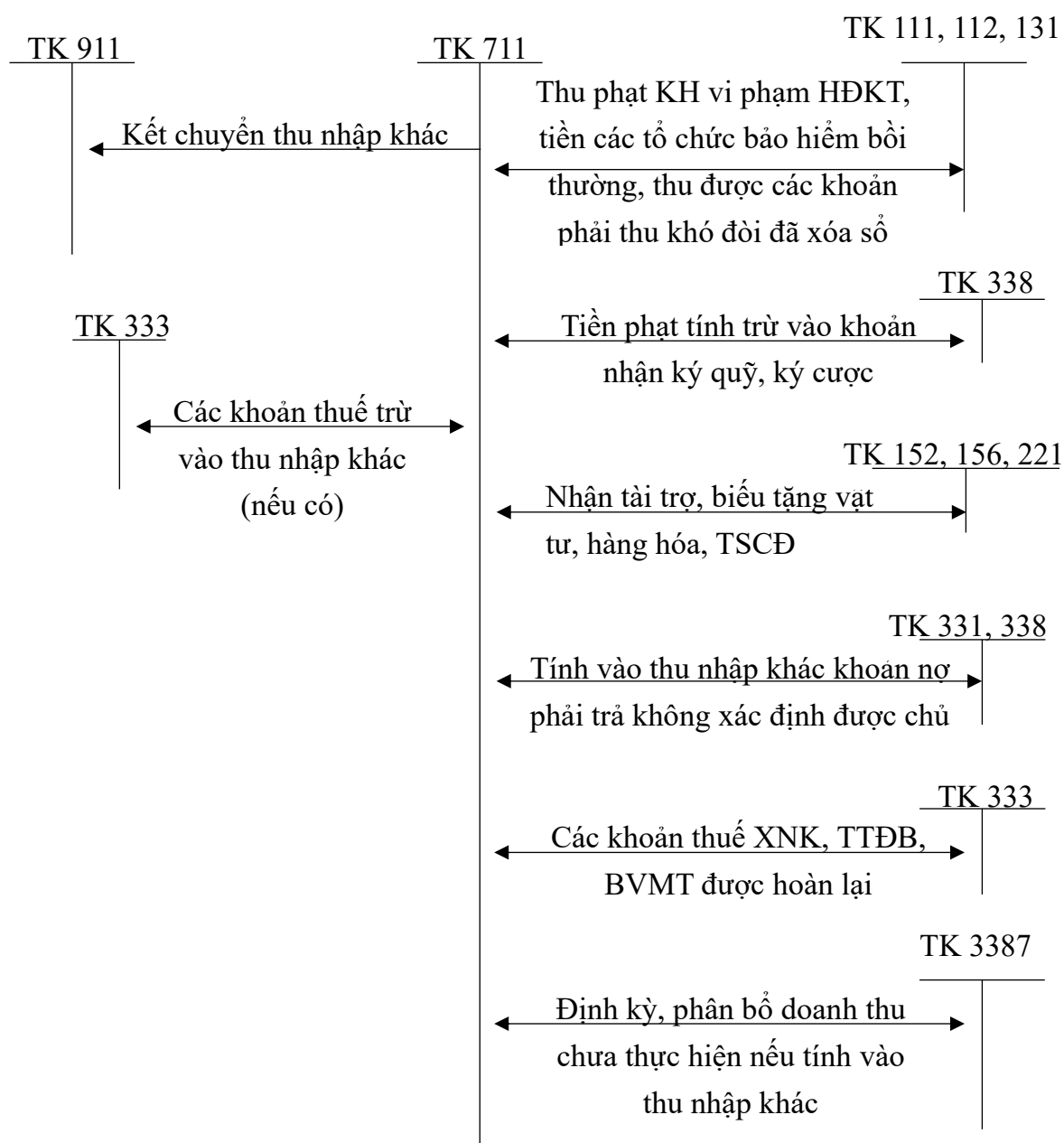
Để hạch toán thu nhập khác, kế toán sử dụng Tài khoản 711 “Thu nhập khác”.

➤ Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 711	CÓ
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán kế toán thu nhập khác

1.3. Kế toán chi phí

1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

1.3.1.1. Khái niệm

Giá vốn hàng bán là giá thực tế của toàn bộ sản phẩm, hàng hóa được xuất bán trong kỳ.

➤ Đối với doanh nghiệp thương mại giá vốn hàng bán bao gồm giá trị mua của hàng và chi phí mua hàng. Hàng hóa của doanh nghiệp được nhập từ các nguồn, các đợt khác nhau. Do đó khi xuất bán phải đánh giá theo một trong các phương pháp quy định để xác định trị giá vốn hàng xuất bán.

➤ *Đối với doanh nghiệp sản xuất*, giá vốn hàng bán bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho số sản phẩm đã xuất bán. Sản phẩm của doanh nghiệp được sản xuất qua nhiều giai đoạn, từ các kỳ và đơn hàng khác nhau. Do đó, khi xuất bán phải đánh giá theo một trong các phương pháp quy định để xác định trị giá vốn hàng xuất bán.

1.3.1.2. Phương pháp xác định giá vốn hàng bán

Doanh nghiệp có thể sử dụng các phương pháp sau để xác định giá vốn hàng bán:

a) Phương pháp tính theo giá đích danh:

Giá trị thực tế của hàng hóa, vật tư, sản phẩm xuất ra thuộc lô hàng nào thì sẽ căn cứ vào số lượng xuất kho và đơn giá thực tế xuất kho của hàng hóa, vật tư, sản phẩm đó. Phương pháp này được áp dụng với các loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm có giá trị lớn, ít chủng loại, có điều kiện quản lý, bảo vệ riêng theo từng lô hàng trong kho, mặt hàng ổn định, nhận diện được.

b) Phương pháp nhập trước xuất trước:

Lượng vật tư hàng hóa, sản phẩm nhập trước sẽ được sử dụng trước theo đúng giá nhập kho của chúng. Hay nói cách khác, theo phương pháp này đơn giá của lô hàng nào được nhập vào trước thì được xuất ra trước, xuất hết số nhập trước mới xuất đến số nhập liền sau cho đến khi đủ số lượng cần xuất. Theo đó, giá trị thực tế xuất kho được xác định bằng số lượng xuất kho và đơn giá của những lần nhập cũ nhất.

c) Phương pháp bình quân:

Phương pháp bình quân dựa trên giả định rằng: giá gốc của hàng tồn kho cuối kỳ và giá vốn hàng bán trong một kỳ kế toán phản ánh giá bình quân của các lần nhập và hàng tồn kho đầu kỳ kế toán. Theo phương pháp này, giá gốc sản phẩm hàng hóa xuất trong kỳ được tính theo giá đơn vị bình quân (bình quân cả kỳ, bình quân thời điểm).

➤ Phương pháp bình quân cả kỳ:

Đơn giá bình quân cho từng mặt hàng được xác định theo công thức:

Đơn giá bình quân hàng tồn kho loại i	=	Giá trị thực tế hàng i đầu kỳ + Số lượng hàng i đầu kỳ	+	Giá trị thực tế hàng i nhập kho trong kì Số lượng hàng i nhập kho trong kỳ
--	---	---	---	---

Giá thực tế hàng i tồn kho cuối kỳ	=	Số lượng mặt hàng i tồn kho	x	Đơn giá thực tế bình quân của hàng tồn kho loại i
---------------------------------------	---	--------------------------------	---	--

➤ Phương pháp bình quân thời điểm:

Sau mỗi lần nhập kho thì kế toán phải tiến hành xác định lại đơn giá bình quân mới nhất.

Đơn giá bình quân hàng i sau lần nhập t	=	Giá trị thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập t	+	Trị giá thực tế hàng i nhập kho ở lần nhập t
		Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập t	+	Số lượng hàng i nhập kho ở lần t

Giá thực tế mặt hàng i xuất kho	=	Số lượng mặt hàng i xuất dùng	x	Đơn giá thực tế của hàng i sau lần nhập
---------------------------------	---	-------------------------------	---	---

1.3.1.3. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ liên quan khác.

1.3.1.4. Tài khoản sử dụng

Tại khoản 1 Điều 62 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán của doanh nghiệp nhỏ và vừa phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động; chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...

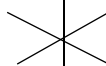
➤ Kết cấu tài khoản:

- Theo phương pháp kê khai thường xuyên

NỢ**TK 632****CÓ**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính
- Trị giá hàng bán bị trả lại.
- Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán
- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.

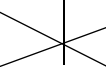
**Tài khoản 632 - không có số dư cuối kỳ**

- Theo phương pháp kê khai định kỳ

NỢ**TK 632****CÓ**

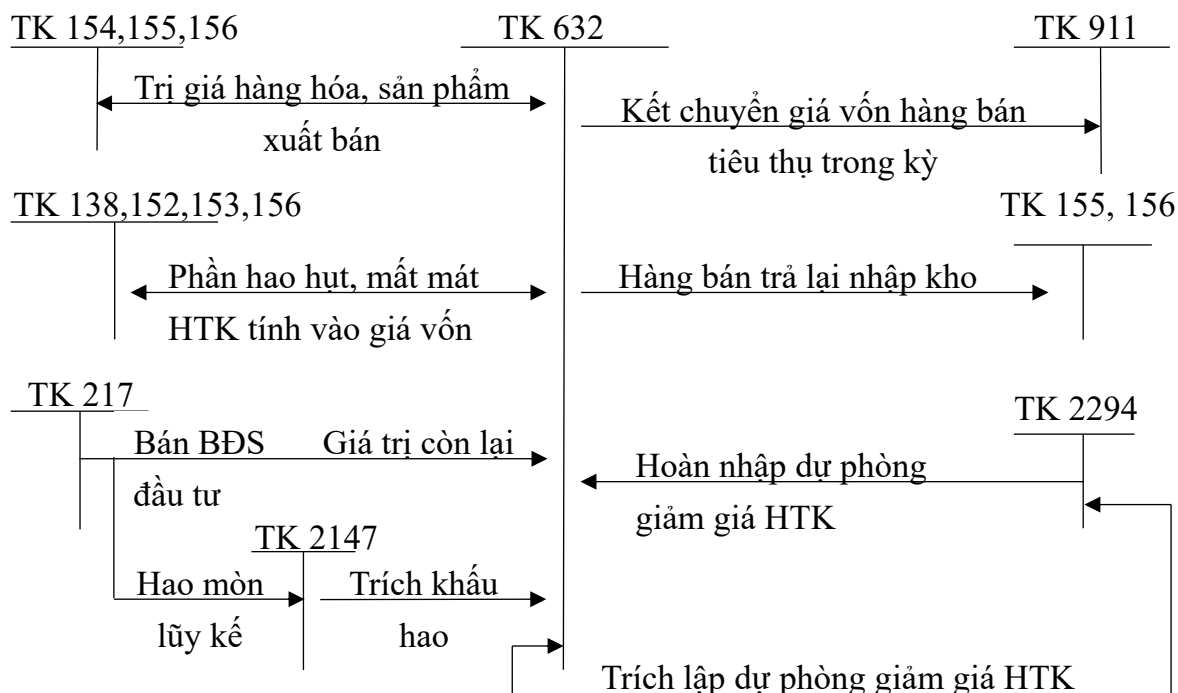
- Trị giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho đầu kỳ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”; TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh, dở dang”;
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

**Tài khoản 632 - không có số dư cuối kỳ**

1.3.1.5. Phương pháp hạch toán

➤ Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên

➤ Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.3.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.2.1. Khái niệm

Chi phí quản lý kinh doanh là khoản chi phí liên quan đến hoạt động kinh tế của doanh nghiệp, là một mục quan trọng trong tờ khai thuế, khoản chi phí này làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

➤ *Chi phí bán hàng* là khoản phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ hàng hóa. Bao gồm các khoản như: Các khoản tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên bán hàng, các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ trên lương theo quy định, hoa hồng bán hàng, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản,...

➤ *Chi phí quản lý doanh nghiệp* là chi phí phát sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động doanh nghiệp mà doanh nghiệp đó phải bỏ ra để vận hành. Bao gồm các khoản như: Các khoản tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên quản lý doanh nghiệp, các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ trên lương theo quy định, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản, tiền thuê đất, phí môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài,...

1.3.2.2. Chứng từ sử dụng

- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng phân bổ công cụ dụng cụ, TSCĐ
- Phiếu chi
- Các chứng từ liên quan khác

1.3.2.3. Tài khoản sử dụng

Theo *Thông tư 133/2016/TT-BTC*, đối với tài khoản 642 Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

➤ Tài khoản 6421 - *Chi phí bán hàng*: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.

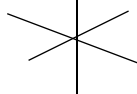
➤ Tài khoản 6422 - *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

* Kết cấu tài khoản:

NỢ**TK 642****CÓ**

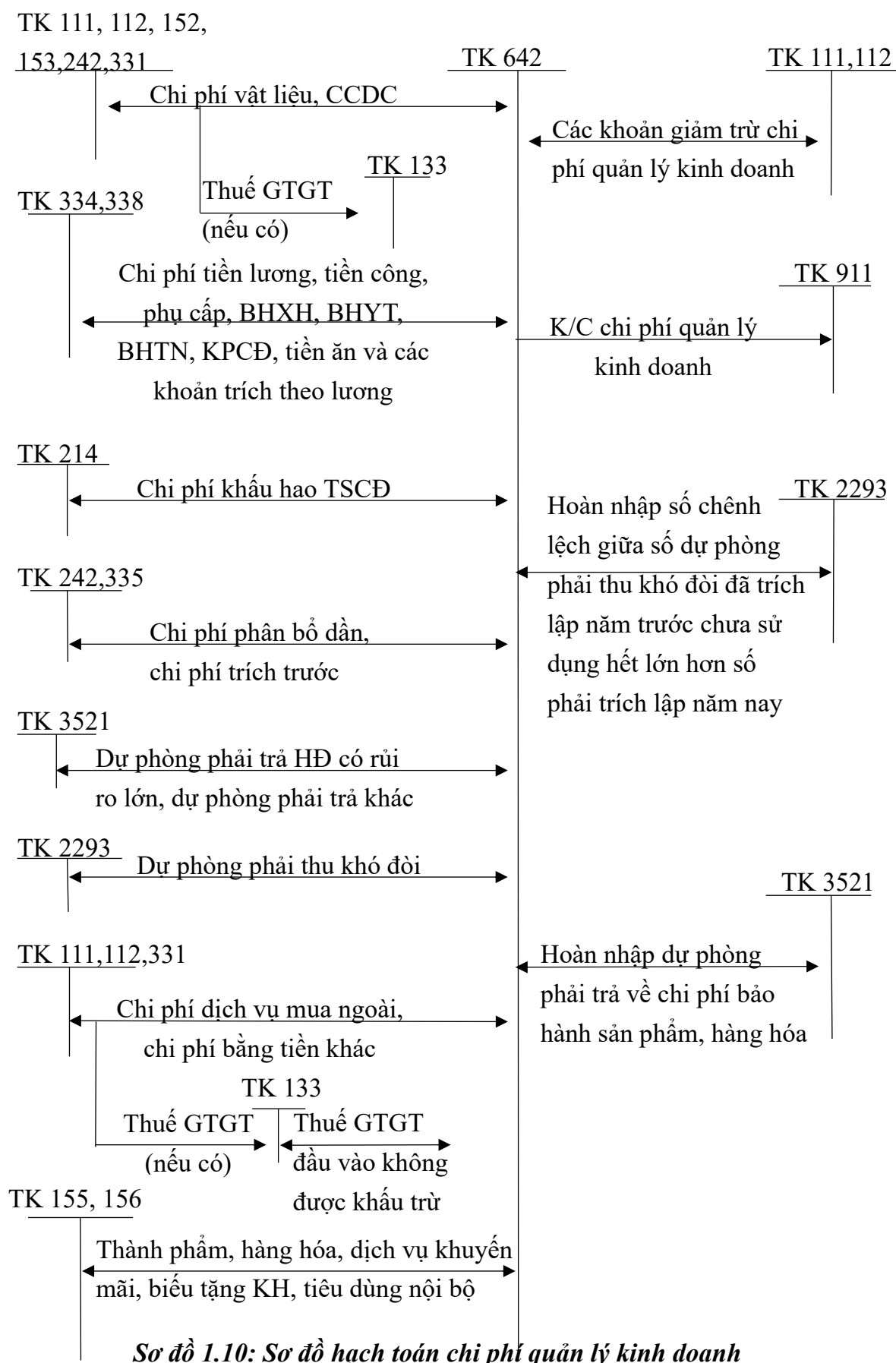
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết

- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh;
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.



Tài khoản 642 - không có số dư cuối kỳ

1.3.2.4. Phương pháp hạch toán



1.3.3. Kế toán chi phí tài chính

1.3.3.1. Khái niệm

Chi phí tài chính là chi phí liên quan đến hoạt động cho vay hoặc đi vay vốn, chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư và các khoản chi phí tài chính khác,... cụ thể:

➤ Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, chi phí giao dịch bán chứng khoán

➤ Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, lỗ bán ngoại tệ.

➤ Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác ...

1.3.3.2. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ để sử dụng hạch toán “Chi phí tài chính” - TK 635.

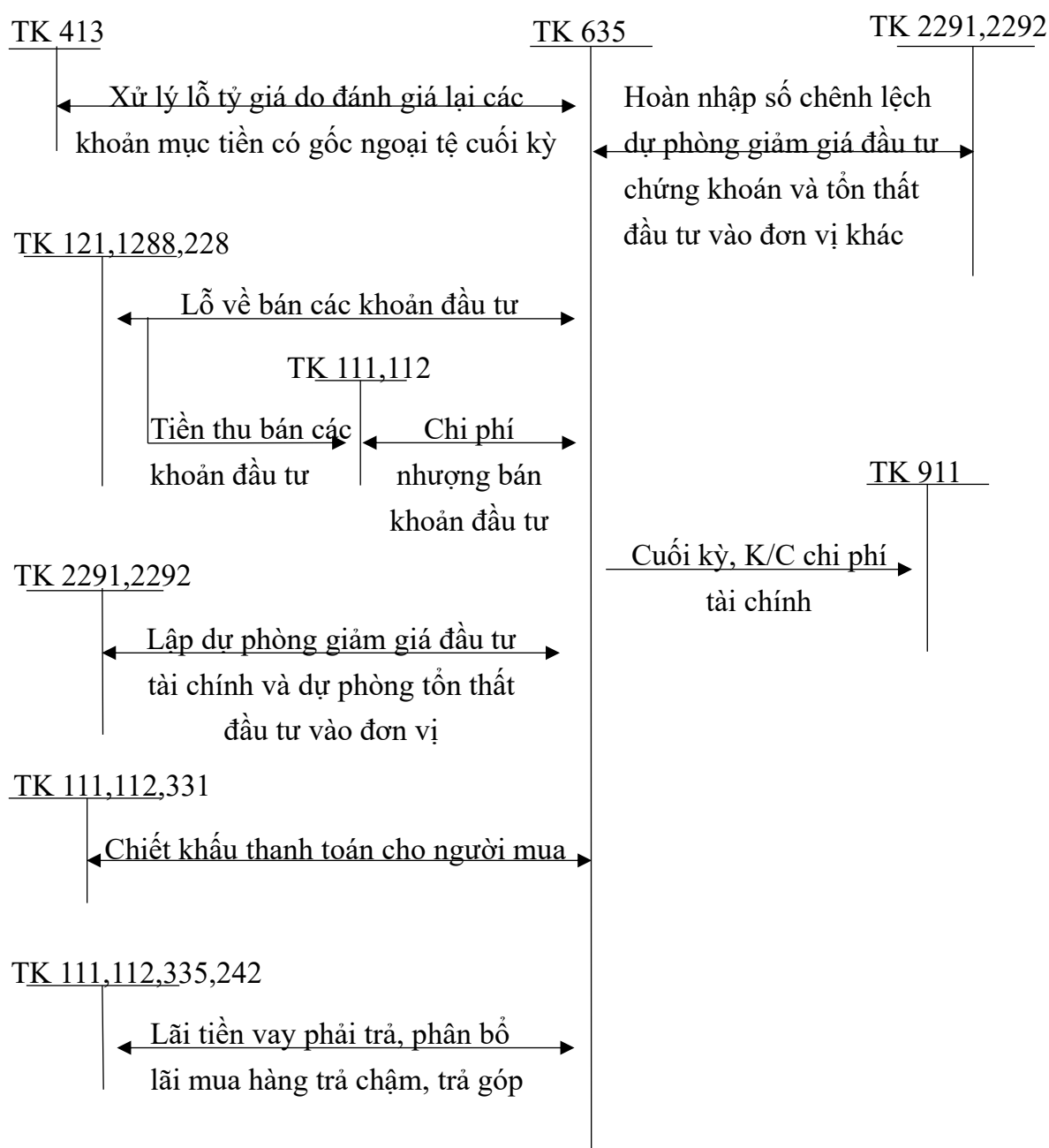
Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí tài chính như chi phí đi vay, chi phí góp vốn liên doanh.

➤ Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 635	CÓ
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính. - Lỗ bán ngoại tệ - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ - Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác		- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác. - Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 - không có số dư cuối kỳ

1.3.3.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.3.4. Kế toán chi phí khác

1.3.4.1. Khái niệm

Chi phí khác bao gồm các chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp: như chi phí về thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán; các khoản tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng; bị phạt khi truy nộp thuế; các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán; các khoản khác.

1.3.4.2. Chứng từ sử dụng

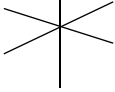
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Biên lai nộp thuế, nộp phạt
- Các chứng từ liên quan khác

1.3.4.3. Tài khoản sử dụng

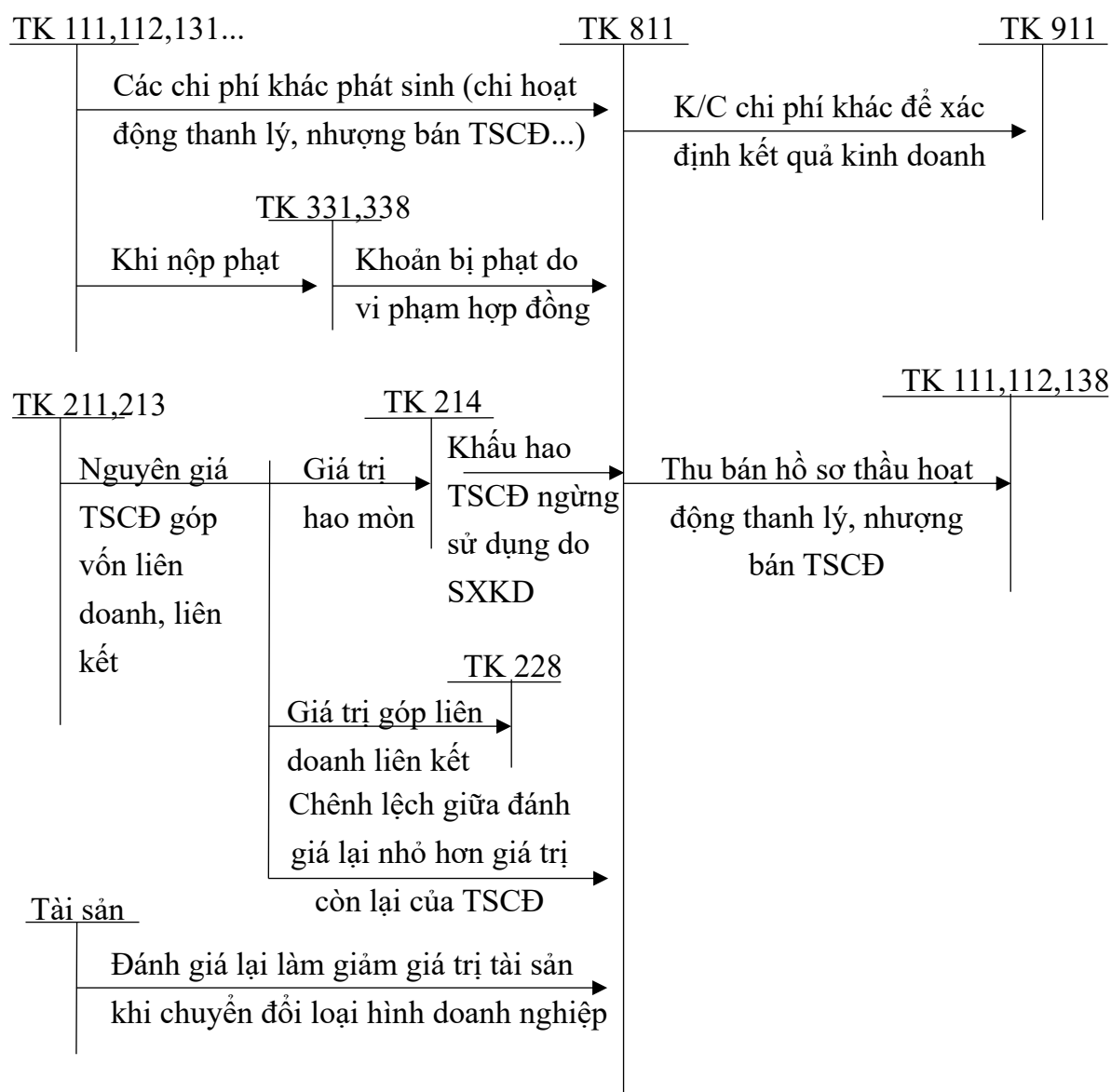
Tài khoản 811 "Chi phí khác".

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh chính tạo ra doanh thu của doanh nghiệp gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ, thanh lý, nhượng bán, tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, các khoản chi phí khác,...

➤ Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 811	CÓ
Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản giảm chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"
		
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ		

1.4.4.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.5.1. Khái niệm

Theo quy định tại Mục 3 Chuẩn mực số 17 Hệ thống Chuẩn mực kế toán ban hành và công bố theo Quyết định 12/2005/QĐ-BTC “*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*” là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Căn cứ Điều 3 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 (được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi các Luật về thuế 2014) “*Thuế thu nhập doanh nghiệp*” là một loại thuế mà nhà nước trực tiếp thu vào ngân sách của nhà nước tính trên thu nhập

chịu thuế của các doanh nghiệp (tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ).

Tại Điều 6 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 thì công thức tính thuế TNDN sẽ tính theo công thức sau:

$$\text{Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất}$$

Trong đó, căn cứ theo quy định tại Điều 7 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 thì *thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp* tính theo công thức sau:

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định}$$

Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo công thức sau:

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \text{Doanh thu} - \text{Các khoản chi được trừ} + \text{Các khoản thu nhập khác (kể cả thu nhập nhận được ở ngoài Việt Nam)}$$

Căn cứ theo quy định tại Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 thì thuế suất thuế TNDN hiện nay cụ thể như sau:

- Mức thuế suất 20% sẽ áp dụng cho các doanh nghiệp có doanh thu trên 50 tỷ và không thuộc nhóm doanh nghiệp có hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu, khí và tài nguyên quý hiếm khác tại Việt Nam.

- Mức thuế suất 15% được áp dụng cho doanh nghiệp có doanh thu dưới 3 tỷ

- Mức thuế suất 17% được áp dụng cho doanh nghiệp có doanh thu từ 3 tỷ cho đến dưới 50 tỷ.

1.3.5.2. Chứng từ sử dụng

- Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

- Giấy báo nợ

1.3.5.3. Tài khoản sử dụng

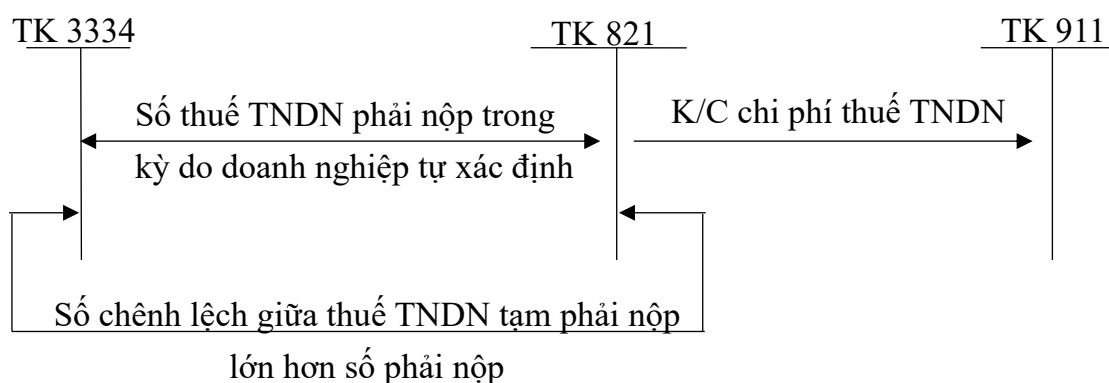
Tài khoản 821 " Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

➤ Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 821	CÓ
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm. - Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại; - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm vào TK 911

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

1.3.5.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.4.1. Khái niệm

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng về hoạt động của các doanh nghiệp trong một kỳ kế toán nhất định. Kết quả kinh doanh là phần chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã thực hiện.

$$\text{Lợi nhuận gộp} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{thuần từ} \\ \text{HĐKD} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{gộp} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{HĐTC} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{TC} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{QLKD} \end{array}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tổng lợi nhuận kế toán} \\ \text{trước thuế TNDN} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt} \\ \text{động kinh doanh} \end{array} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận sau thuế} \\ \text{TNDN} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng lợi nhuận kế toán} \\ \text{trước thuế TNDN} \end{array} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

1.4.2. Tài khoản sử dụng

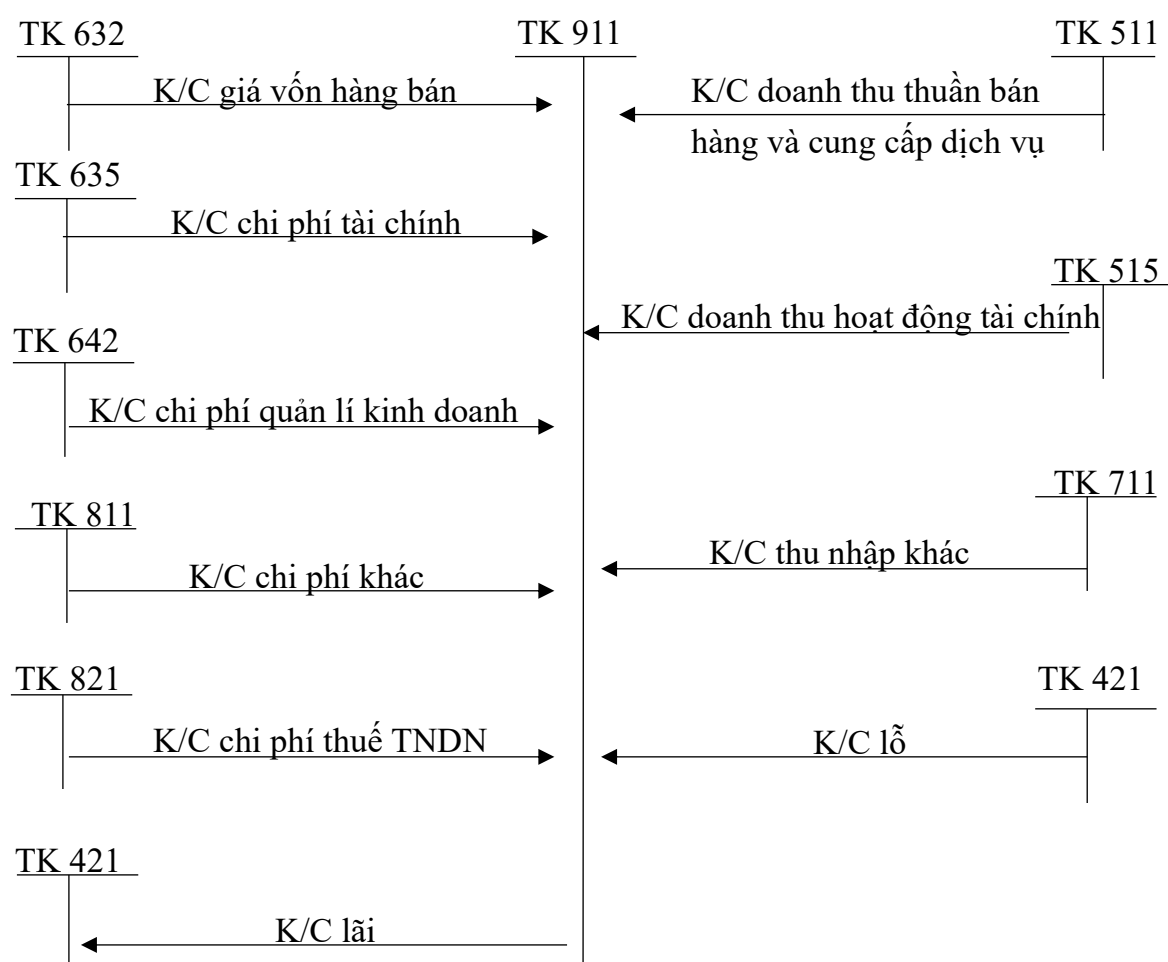
Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm.

➤ Kết cấu tài khoản:

NỢ	TK 911	CÓ
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. - Chi phí tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Chi phí quản lý kinh doanh - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ.

~~Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ~~

1.4.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV NEW FILE

2.1. Giới thiệu về Công ty TNHH MTV New File

2.1.1. Giới thiệu chung về Công ty TNHH MTV New File

- Tên công ty : Công ty TNHH MTV New File
- Địa chỉ : 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
- Loại hình hoạt động : Công ty TNHH Một Thành Viên
- Mã số thuế : 0402210550
- Đại diện pháp luật : Ngô Thị Mỹ Nhung
- Ngành nghề kinh doanh : Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực in ấn và dịch vụ liên quan đến in ấn
- Ngày cấp phép : 09/10/2023
- Ngày hoạt động : 10/10/2023
- Điện thoại trụ sở : 0862555301

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH MTV New File

Công ty TNHH MTV New File được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và chính đi vào hoạt động từ ngày 10/10/2023. Ngay từ khi thành lập, công ty tập trung hoạt động trong lĩnh vực in ấn và dịch vụ liên quan đến in ấn, đồng thời mở rộng sang thiết kế quảng cáo, gia công cơ khí và kinh doanh hàng hóa. Trong quá trình hoạt động, công ty từng bước ổn định tổ chức, đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và hướng tới sự phát triển bền vững.

2.1.3. Đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của Công ty TNHH MTV New File

2.1.3.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Công ty TNHH MTV New File là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quảng cáo và in ấn. Công ty chuyên cung cấp các dịch vụ in bạt, in decal, thi công bảng hiệu quảng cáo, gia công cắt CNC trên các chất liệu alu, mica, formex và thực hiện các công việc liên quan đến quảng cáo – in ấn.

Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty chủ yếu là thương mại kết hợp dịch vụ. Đối với các sản phẩm như bạt và decal, công ty không trực tiếp sản xuất mà nhập từ các đơn vị cung cấp bên ngoài để phục vụ cho hoạt động thi công và gia công theo yêu cầu của khách hàng. Sau khi nhập vật tư, công ty tiến hành thiết kế, gia công, cắt CNC, lắp ráp và thi công hoàn thiện sản phẩm quảng cáo.

Hoạt động kinh doanh của công ty mang tính đa dạng và linh hoạt do các sản phẩm được thực hiện theo từng đơn đặt hàng cụ thể. Mỗi khách hàng sẽ có yêu cầu khác nhau về kích thước, mẫu mã, chất liệu, màu sắc và nội dung thiết kế nên quá trình thực hiện đòi hỏi tính chính xác cao và phải đảm bảo đúng tiến độ thi công.

Ngoài ra, công ty sử dụng nhiều loại vật tư khác nhau như bạt Hiflex, decal, alu, mica, formex, khung sắt, đèn LED và các phụ kiện quảng cáo khác để phục vụ cho quá trình gia công và lắp đặt. Công ty cũng sử dụng máy móc và thiết bị cắt CNC nhằm tạo ra các sản phẩm có độ chính xác và tính thẩm mỹ cao.

Bên cạnh hoạt động gia công tại xưởng, công ty còn trực tiếp thi công và lắp đặt các công trình quảng cáo tại địa điểm của khách hàng như bảng hiệu, hộp đèn, chữ nổi và các sản phẩm quảng cáo ngoài trời. Do đó, hoạt động kinh doanh của công ty diễn ra cả tại xưởng sản xuất và ngoài công trình, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận thiết kế, gia công và thi công để đảm bảo chất lượng sản phẩm và tiến độ thực hiện công việc.

2.1.3.2. Chức năng

Công ty TNHH MTV New File có chức năng tổ chức hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực quảng cáo và in ấn nhằm đáp ứng nhu cầu quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm và truyền thông thương mại cho khách hàng.

Thông qua hoạt động gia công, thiết kế và thi công quảng cáo, công ty cung cấp các giải pháp quảng cáo phù hợp với nhu cầu thực tế của thị trường, góp phần hỗ trợ khách hàng trong hoạt động kinh doanh và xây dựng hình ảnh thương hiệu.

Bên cạnh đó, công ty còn thực hiện chức năng thương mại và dịch vụ thông qua việc cung ứng vật tư, tổ chức gia công, lắp đặt và hoàn thiện các công trình quảng cáo theo yêu cầu của khách hàng.

2.1.3.3. Nhiệm vụ

Công ty TNHH MTV New File có nhiệm vụ tổ chức và thực hiện hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực quảng cáo – in ấn theo đúng quy định của pháp luật và định hướng phát triển của doanh nghiệp. Công ty luôn chú trọng cung cấp các sản phẩm và dịch vụ quảng cáo đáp ứng yêu cầu của khách hàng về chất lượng, tính thẩm mỹ và tiến độ thi công, góp phần nâng cao hiệu quả quảng bá thương hiệu và hoạt động kinh doanh cho khách hàng.

Trong quá trình hoạt động, công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, cải tiến kỹ thuật thi công, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, vật tư, máy móc thiết bị và nguồn nhân lực nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời, công ty luôn chú trọng xây dựng uy tín,

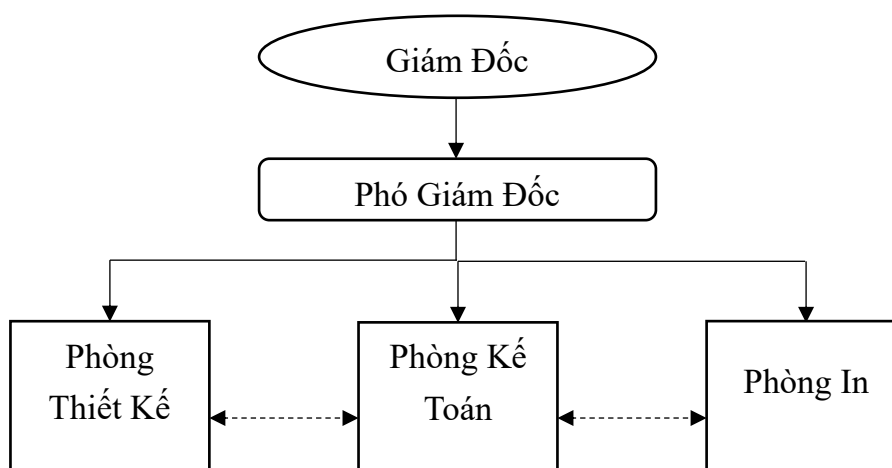
tạo dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng và từng bước mở rộng thị trường hoạt động.

Song song với mục tiêu phát triển kinh doanh, công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, chấp hành các quy định về thuế, lao động và các chính sách hiện hành; đồng thời đảm bảo quyền lợi, chế độ và môi trường làm việc ổn định cho người lao động.

2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH MTV New File

2.1.4.1. Khái quát bộ máy quản lý tại công ty

Bộ máy quản lý của Công ty TNHH MTV New File được tổ chức theo mô hình gọn nhẹ, phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động trong lĩnh vực quảng cáo – in ấn. Cơ cấu tổ chức của công ty gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Phòng Thiết kế, Phòng Kế toán và Phòng In. Hiện nay, công ty có 8 nhân sự chính thức, bao gồm cả Giám đốc. Ngoài đội ngũ nhân viên làm việc tại công ty, công ty còn linh hoạt thuê thêm thợ công trình bên ngoài để hỗ trợ thi công và lắp đặt khi khối lượng công việc tăng cao. Các bộ phận trong công ty có mối quan hệ chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với nhau, góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra hiệu quả và liên tục.



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

Ghi chú:

Quan hệ chỉ đạo —————>

Quan hệ phối hợp <----->

2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận

➤ Giám đốc

Giám đốc là người đứng đầu công ty, chịu trách nhiệm quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời, Giám đốc trực tiếp xây dựng định hướng phát triển, ký kết hợp đồng, quản lý tài chính và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của công ty.

➤ **Phó Giám đốc**

Phó Giám đốc là người hỗ trợ Giám đốc trong công tác quản lý và điều hành hoạt động của công ty. Bên cạnh đó, Phó Giám đốc có nhiệm vụ theo dõi tiến độ công việc của các bộ phận, phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất và thi công nhằm đảm bảo hoạt động của công ty diễn ra hiệu quả.

➤ **Phòng Thiết kế**

Phòng Thiết kế gồm 2 nhân viên, có nhiệm vụ thiết kế mẫu mã, lên maket quảng cáo theo yêu cầu của khách hàng và chỉnh sửa file trước khi đưa vào in ấn. Bộ phận này đồng thời phối hợp với Phòng In và đội ngũ thi công nhằm đảm bảo sản phẩm đạt yêu cầu về kỹ thuật, nội dung và tính thẩm mỹ.

➤ **Phòng Kế toán**

Phòng Kế toán gồm 2 nhân viên, có chức năng tổ chức và thực hiện công tác kế toán tại công ty. Bộ phận này chịu trách nhiệm theo dõi tình hình thu – chi, quản lý doanh thu, chi phí, công nợ, lập chứng từ, báo cáo tài chính và thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến thuế theo quy định của Nhà nước.

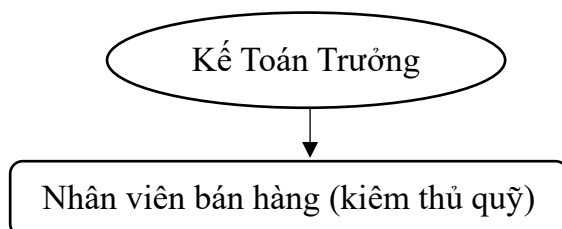
➤ **Phòng In**

Phòng In gồm 2 nhân viên, có nhiệm vụ thực hiện in ấn, gia công và hỗ trợ thi công các sản phẩm quảng cáo theo yêu cầu của khách hàng. Bộ phận này trực tiếp vận hành máy móc, kiểm tra chất lượng sản phẩm và phối hợp với các bộ phận liên quan nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện công việc.

2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH MTV New File

2.1.5.1. Khái quát bộ máy kế toán tại công ty

Bộ máy kế toán của Công ty TNHH MTV New File được tổ chức theo mô hình tập trung, phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động của công ty. Hiện nay, bộ máy kế toán gồm 2 nhân sự: Kế toán trưởng và Nhân viên bán hàng kiêm thủ quỹ. Với cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, các nhân sự trong bộ máy kế toán có sự phối hợp chặt chẽ nhằm đảm bảo công tác kế toán và quản lý tài chính tại công ty được thực hiện đầy đủ, kịp thời và hiệu quả.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

Ghi chú:

Quan hệ chỉ đạo



2.1.5.2. Chức năng, nhiệm vụ từng bộ phận

➤ Kế toán trưởng

Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm tổ chức và điều hành toàn bộ công tác kế toán – tài chính tại công ty. Bộ phận này thực hiện kiểm tra, giám sát việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; theo dõi tình hình doanh thu, chi phí, công nợ và kết quả hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo số liệu kế toán được phản ánh trung thực, đầy đủ và chính xác.

Kế toán trưởng còn đảm nhận việc lập và xuất hóa đơn giá trị gia tăng, lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo quy định hiện hành; cung cấp thông tin tài chính phục vụ cho công tác quản lý và tham mưu cho Ban Giám đốc trong việc quản lý nguồn vốn, kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

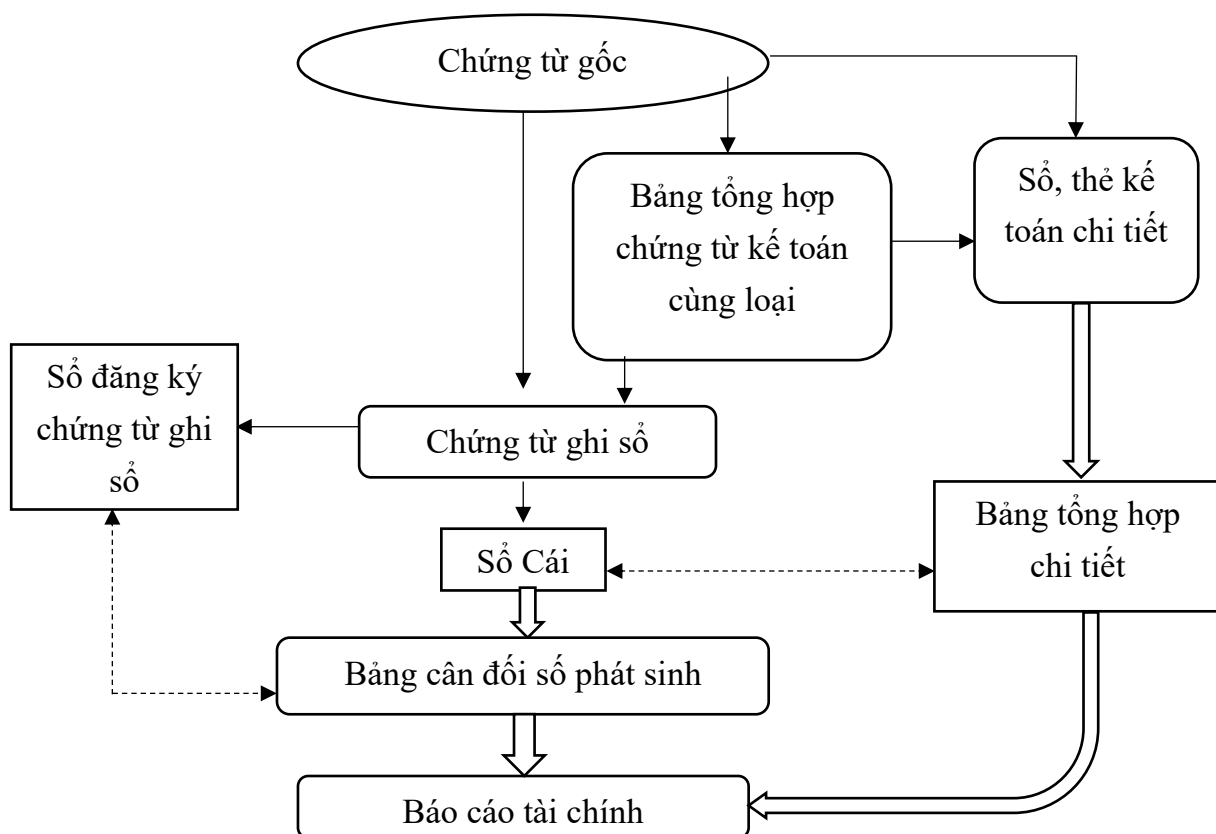
➤ Nhân viên bán hàng (kiêm thủ quỹ)

Nhân viên bán hàng kiêm thủ quỹ là bộ phận trực tiếp tiếp nhận và làm việc với khách hàng, chủ yếu là khách lẻ. Bộ phận này có nhiệm vụ tư vấn sản phẩm, phản hồi tin nhắn khách hàng, kiểm tra đơn hàng và phối hợp với các bộ phận liên quan trong quá trình chuẩn bị và giao đơn theo yêu cầu của khách hàng.

Ngoài công tác bán hàng, nhân viên bán hàng kiêm thủ quỹ còn chịu trách nhiệm quản lý quỹ tiền mặt, theo dõi các khoản thu – chi phát sinh và lưu trữ chứng từ liên quan nhằm đảm bảo công tác quản lý tiền mặt tại công ty được thực hiện đầy đủ và chính xác.

2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán

Để phù hợp với đặc điểm tổ chức, quy mô hoạt động và đặc điểm của ngành nghề kinh doanh, công ty đã áp dụng hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ” đồng thời đã sử dụng phần mềm Trí Việt trong tổ chức công tác kế toán của công ty.

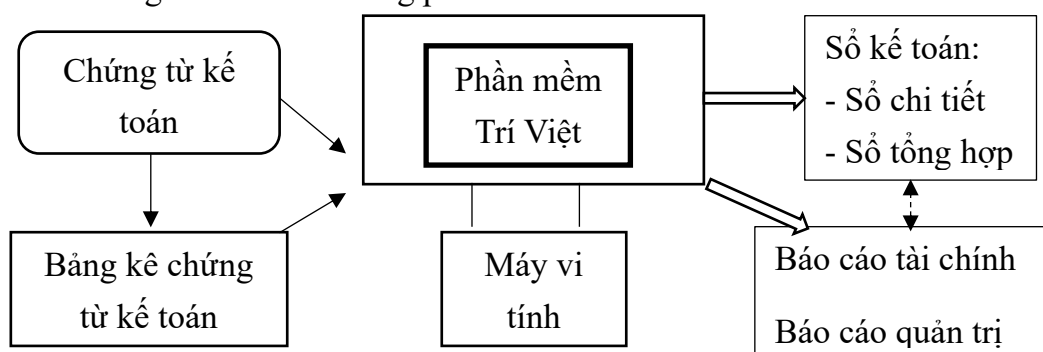


Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hình thức ghi sổ kế toán

Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$
 Ghi cuối tháng $\Longrightarrow$
 Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

➤ Sơ đồ ghi sổ kế toán bằng phần mềm:



Sơ đồ 2.4: Sơ đồ ghi sổ kế toán trên phần mềm Trí Việt

Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày $\longrightarrow$
 In sổ báo cáo cuối tháng, cuối năm $\Longrightarrow$
 Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

Công ty TNHH MTV New File áp dụng hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ” và thực hiện hạch toán trên phần mềm kế toán Trí Việt. Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán gốc đã được kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ, kế toán tiến hành nhập liệu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào phần mềm.

Từ các dữ liệu được cập nhật, phần mềm kế toán Trí Việt tự động tổng hợp và xử lý số liệu để lập Bảng kê chứng từ theo tài khoản, đồng thời phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan. Căn cứ vào Bảng kê chứng từ theo tài khoản, kế toán lập Chứng từ ghi sổ và thực hiện ghi vào Sổ Cái các tài khoản liên quan.

Tại công ty không sử dụng Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được theo dõi và quản lý thông qua hệ thống Bảng kê chứng từ theo tài khoản, Chứng từ ghi sổ, Sổ Cái và các sổ kế toán chi tiết.

Cuối kỳ kế toán, kế toán tiến hành đối chiếu số liệu giữa Sổ Cái và các sổ kế toán chi tiết nhằm đảm bảo tính chính xác và thống nhất của thông tin kế toán. Sau khi kiểm tra và đối chiếu số liệu, kế toán sử dụng số liệu trên phần mềm để lập Báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.

2.1.7. Chế độ, chính sách kế toán

Công ty áp dụng chế độ kế toán tuân theo Thông tư 133/2016/TTBTC ban hành ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ Tài Chính.

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam Đồng
- Phương pháp tính thuế GTGT: Tính thuế theo phương pháp khấu trừ
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng
- Thời gian trích khấu hao được áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền theo thời điểm.

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV New File

2.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.1.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH MTV New File chủ yếu phát sinh từ hoạt động quảng cáo – in ấn và thi công các công trình quảng cáo theo yêu cầu của khách hàng. Nguồn doanh thu của công ty tương đối đa dạng,

bao gồm doanh thu từ *in bạt Hiflex, in decal, gia công cắt CNC* trên các chất liệu như alu, mica, formex và doanh thu từ *hoạt động thi công, lắp đặt các công trình quảng cáo*.

Tùy thuộc vào tính chất của từng đơn hàng, công ty có thể thực hiện riêng lẻ từng dịch vụ hoặc kết hợp nhiều công đoạn như thiết kế, gia công, in ấn và thi công hoàn thiện sản phẩm. Doanh thu được ghi nhận khi sản phẩm hoặc dịch vụ đã hoàn thành, bàn giao cho khách hàng và được khách hàng chấp nhận thanh toán theo thỏa thuận giữa hai bên.

Hiện nay, công ty thực hiện kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Đối với hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty, thuế giá GTGT được áp dụng với mức thuế suất 8% theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2.2.1.1.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT và các chứng từ liên quan khác.

2.2.1.1.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác.

Ngoài ra, còn mở sổ chi tiết TK 5111 - Doanh thu bán hàng hóa: dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

2.2.1.1.4. Sổ sách sử dụng

- Bảng kê ghi Nợ TK 131
- Sổ chi tiết TK 5111
- Chứng từ ghi sổ số N131
- Sổ cái TK 511

2.2.1.1.5. Minh họa kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH MTV New File

****Ví dụ minh họa 1:***

Ngày 27/12/2025 Công ty TNHH MTV New File thi công sản sân khấu và bảng hiệu cho Công ty TNHH L.U.X PROPERTY DANANG theo hóa đơn GTGT số 428 với số tiền chưa VAT là 62.750.000 với thuế 8% là 5.020.000. Khách hàng chưa thanh toán.

**** Trình tự quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại Công ty TNHH MTV New File***

- Khi khách hàng đến công ty, đặt yêu cầu và lựa chọn mẫu mã, chất liệu hoặc đặt yêu cầu thông qua trang tài khoản của công ty.

- Khi có đề nghị đơn đặt hàng sẽ có bảng báo giá gửi qua cho khách hàng xác nhận và lập hợp đồng mua bán, sau đó giao cho thiết kế lên mẫu cho khách xem, rồi xuất file in, thợ sẽ chuẩn bị những vật dụng để tiến hành thi công. Tiếp đó kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT và chuyển cho giám đốc hoặc kế toán trưởng ký. Sau đó, kế toán lập phiếu giao nhận hàng và đưa cho khách hàng ký xác nhận.

- Khi khách hàng nhận hàng và thanh toán đủ cho công ty (bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản), dựa vào hóa đơn GTGT và phiếu giao nhận hàng, kế toán sẽ tiến hành ghi nhận doanh thu.

Sau khi Công ty TNHH L.U.X PROPERTY DANANG đồng ý mua hàng, kế toán tiến hành lập hóa đơn điện tử trên phần mềm **M-Invoice (hóa đơn điện tử)**. Hóa đơn số 428 được lập theo các bước sau:

Bước 1: Vào trang M-Invoice (hóa đơn điện tử)

Đăng nhập vào M-Invoice (hóa đơn điện tử) bằng mã số thuế và mật khẩu của Công ty.

Bước 2: Tại giao diện chính, chọn **Hóa đơn** → **Lập hóa đơn** → chọn loại **Hóa đơn GTGT**.

Bước 3: Nhập đầy đủ các thông tin của hóa đơn gồm: thông tin người mua (tên, mã số thuế, địa chỉ), ngày lập hóa đơn... Sau đó nhập chi tiết hàng hóa/dịch vụ tại bảng bên dưới như: tên hàng, đơn vị tính, số lượng, đơn giá, thuế suất.

Bước 4: Kiểm tra lại thông tin → bấm **Lưu/Ghi lại** → chọn **Ký điện tử** → cắm chữ ký số và nhập mã PIN để hoàn tất hóa đơn, phần mềm sẽ ký vào hóa đơn và được thể hiện theo mẫu sau:



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)
Ngày 27 tháng 12 năm 2025
Mã của cơ quan thuế: 00790FE76D0D0449DC96814EA93E82F629

Ký hiệu: 1C25TNE
Số: **428**

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE
Mã số thuế: 0402210550
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: 0387109193 Email: ngotuongnghia170893@gmail.com
Số tài khoản: 5522522888 Ngân Hàng TMCP Quân Đội - MBBANK



Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH L.U.X PROPERTY DANANG
Địa chỉ: Thôn Giảng Nam I, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế: 0402154923
Hình thức thanh toán: TM/CK
Số tài khoản: **Tại:**
Mã đơn vị QHNS:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Thi công sân sân khấu và bảng hiệu theo Hợp đồng kinh tế Số : 05122025- HDKT/NF-L.U.X ký ngày 05 tháng 12 năm 2025	Trọn gói	1	62.750.000	62.750.000
Cộng tiền hàng:					62.750.000
Thuế suất GTGT: 8%					Tiền thuế GTGT: 5.020.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					67.770.000

Số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature valid
Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT
THÀNH VIÊN NEW FILE
Ngày ký: 27/12/2025 08:53 PM

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://tracuuhoadon.mininvoice.com.vn/> - Mã tra cứu: 75451AB2
 (Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICE - CÔNG TY TNHH HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ M-INVOICE - MST: 0106026495 - Hotline: 0797 647 789)

Hình 2.1: Hóa đơn 428 ngày 27 tháng 12 năm 2025

- Sau đó, căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán sẽ hạch toán nghiệp vụ phát sinh vào hóa đơn bán hàng trên phần mềm Trí Việt.

Để vào phần mềm bắt đầu làm việc, kế toán phải đăng nhập tên cơ sở dẫn liệu thì giao diện làm việc của Trí Việt mới xuất hiện.

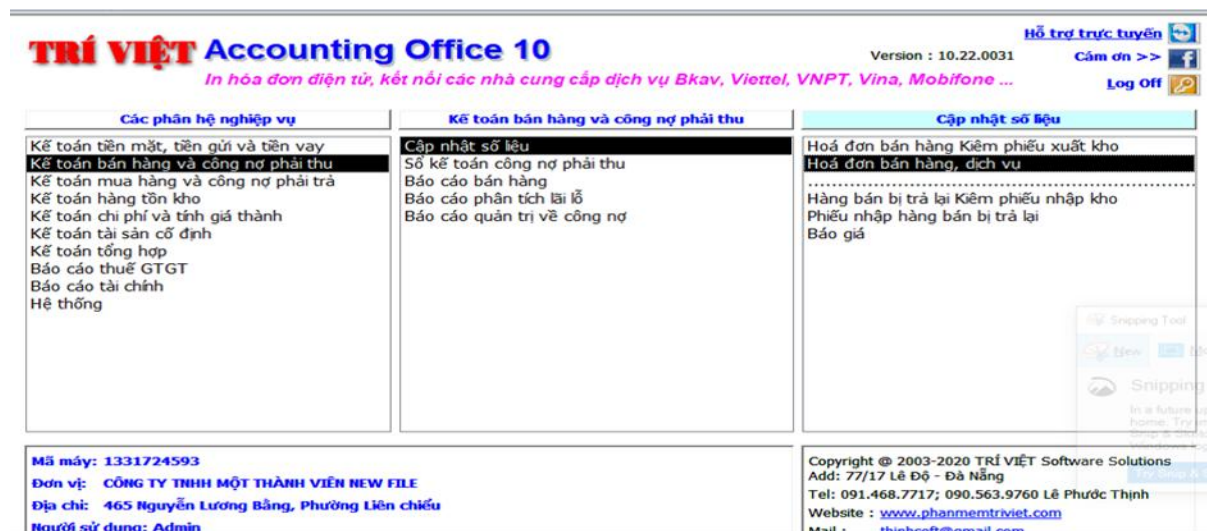
- Tên cơ sở dẫn liệu: D:\AcTech10\Data\New File.mdb.
- Sau đó bấm “đăng nhập” để vào phần mềm Trí Việt.



Hình 2.2: Giao diện đăng nhập phần mềm Trí Việt

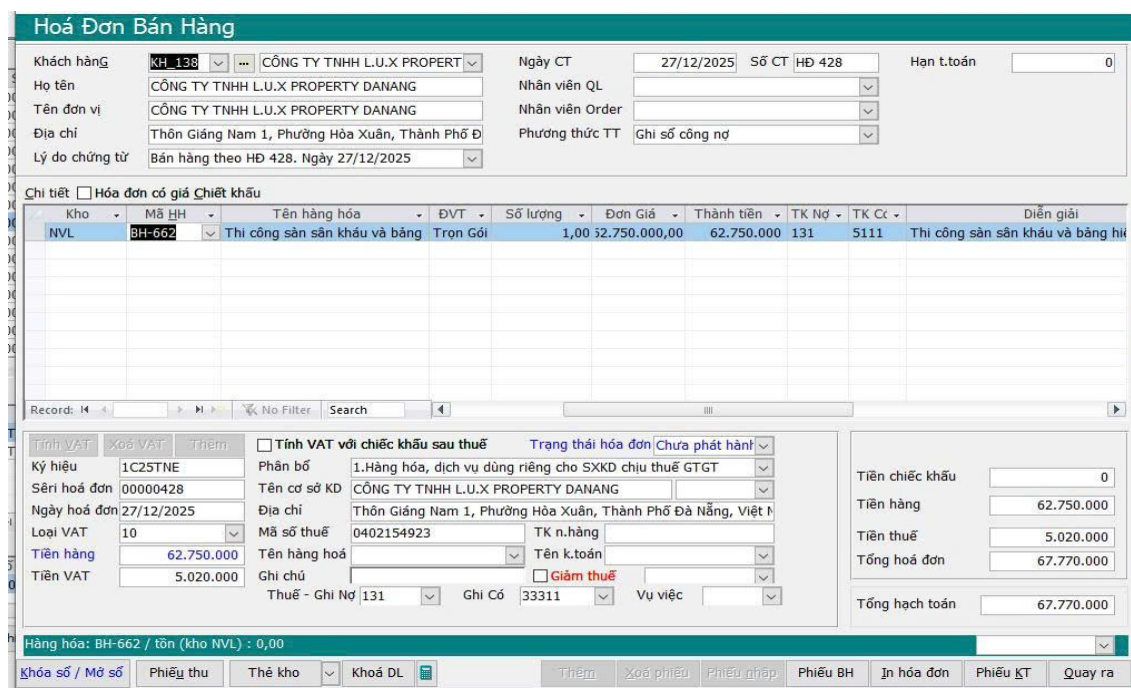
Sau khi đăng nhập thành công vào phần mềm tiến hành các bước như sau:

Bước 1: Kế toán sẽ vào phân hệ “Kế toán bán hàng và công nợ phải thu” Chọn phân hệ: “ Kế toán bán hàng và công nợ phải thu” → ” Cập nhật số liệu” → ” Hóa đơn bán hàng, dịch vụ”



Hình 2.3: Giao diện tiến hành nhập hóa đơn

Bước 2: Màn hình hiện ra “ Chọn dữ liệu cho chứng từ ghi sổ” → chọn thời gian từ 01/01/2025-31/12/2025 → kích chọn vào ô “ Lọc dữ liệu” . Bấm vào “Thêm” để nhập dữ liệu cho hóa đơn bán hàng: ngày chứng từ, tên đơn vị, tên hàng hóa, số lượng,...



Hình 2.4: Giao diện hóa đơn bán hàng số 428 ngày 27/12/2025

Bước 3: Kế toán kiểm tra và nhấn “Thêm” để lưu chứng từ, sau đó thực hiện in hóa đơn khi cần.

Vì khách hàng chưa thanh toán tiền hàng nên trước tiên đưa vào bán hàng công nợ khi nào khách hàng trả tiền thì căn cứ vào phiếu thu (nếu trả tiền mặt) hoặc giấy báo có mà kế toán tiến hành hạch toán cho phù hợp.

*** Ví dụ minh họa 2:**

Ngày 30/12/2025 Công ty TNHH MTV New File làm bảng hiệu (khung sắt,alu,mica,sáng đèn) cho CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG theo hóa đơn GTGT số 432 với số tiền chưa VAT là 9.259.259 với thuế 8% là 740.741. Khách hàng chưa thanh toán.

Tương tự như Hóa đơn GTGT 428, kế toán sẽ lập hóa đơn điện tử trên phần mềm **M-Invoice (hóa đơn điện tử)**. Hóa đơn GTGT 432 được thể hiện như sau:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: 1C25TNE			
(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)		Số: 432			
Ngày 30 tháng 12 năm 2025		Mã của cơ quan thuế: 00994BE717DC114D699A0FECE4EEAE1CA6			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE					
Mã số thuế: 0402210550					
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam					
Điện thoại: 0387109193		Email: ngotuongnghia170893@gmail.com			
Số tài khoản: 5522522888		Ngân Hàng TMCP Quân Đội - MBBANK			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG					
Địa chỉ: Lô G, đường Tạ Quang Bửu, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam					
Mã số thuế: 0400101531					
Hình thức thanh toán: TM/CK					
Số tài khoản:		Tại:			
Mã đơn vị QHNS:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Bảng Hiệu(khung sắt,alu,mica,sáng đèn) KT: 1M2X3M	M2	1	9.259.259	9.259.259
Cộng tiền hàng:					9.259.259
Thuế suất GTGT: 8%					Tiền thuế GTGT: 740.741
Tổng cộng tiền thanh toán:					10.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		
			Signature valid Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE Ngày ký: 30/12/2025 11:55 AM		
Tra cứu hóa đơn tại website: https://tracuuhoadon.minvoice.com.vn/ - Mã tra cứu: 96D1A483 (Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICE - CÔNG TY TNHH HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ M-INVOICE - MST: 0106026495 - Hotline: 0797 647 789)					

Hình 2.5: Hóa đơn 432 ngày 30 tháng 12 năm 2025

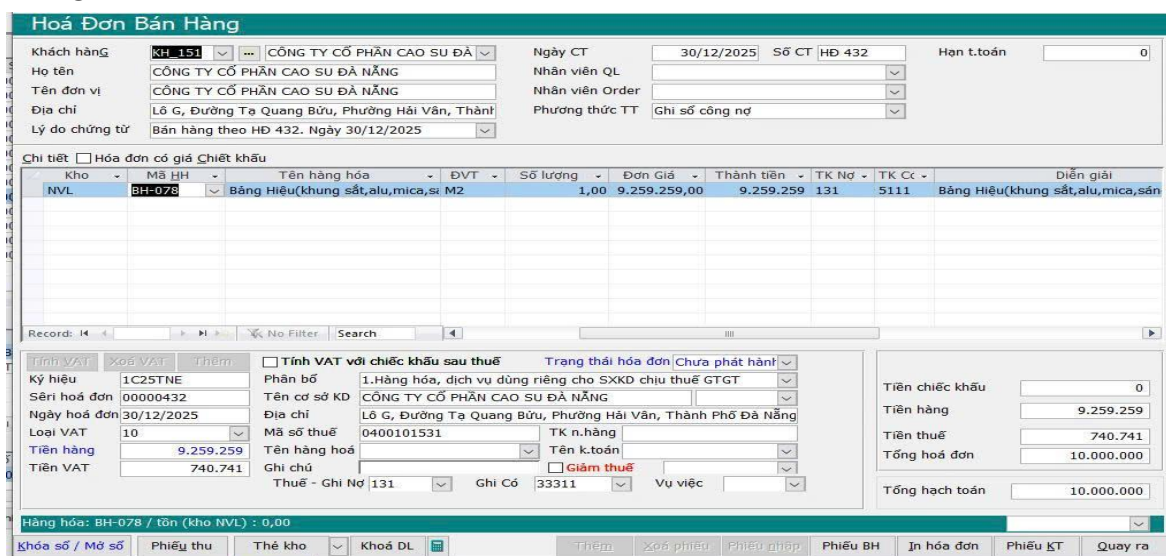
- Sau đó, căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán sẽ hạch toán nghiệp vụ phát sinh vào hóa đơn bán hàng trên phần mềm Trí Việt

Bước 1: Kế toán sẽ vào phân hệ “Kế toán bán hàng và công nợ phải thu” → “Cập nhật số liệu” → “Hóa đơn bán hàng, dịch vụ”



Hình 2.6: Giao diện tiến hành nhập hóa đơn

Bước 2: Màn hình hiện ra “Chọn dữ liệu cho chứng từ ghi sổ” → chọn thời gian từ 01/01/2025-31/12/2025 → kích chọn vào ô “Lọc dữ liệu” . Bấm vào “Thêm” để nhập dữ liệu cho hóa đơn bán hàng: ngày chứng từ, tên đơn vị, tên hàng hóa, số lượng...



Hình 2.7: Giao diện hóa đơn bán hàng số 432 ngày 30/12/2025

Bước 3: Kế toán kiểm tra và nhấn “Thêm” để lưu chứng từ, sau đó thực hiện in hóa đơn khi cần.

Vì kế toán muốn đưa hết vào TK 131 để dễ theo dõi doanh thu, công nợ. Sau khi đưa hết vào TK 131, hóa đơn nào thanh toán thì kế toán tiến hành hạch toán cho phù hợp, còn chưa thu tiền sẽ treo ở TK 131.

Đến cuối kỳ, kế toán sẽ kết xuất dữ liệu in ra các sổ sau:

- Trích “Bảng kê ghi Nợ TK 131” (xem trang 42).
- Trích “Sổ chi tiết TK 5111” xem (Phụ lục 3.1).
- Trích “Chứng từ ghi sổ số N131” được lập theo năm (xem trang 43).
- Trích “Sổ cái TK 511” được lập theo năm (xem trang 43).

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE

Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu

BẢNG KÊ GHI NỢ TÀI KHOẢN 131

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

BK Số: N131

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TỔNG	Ghi Có các tài khoản					
SỐ	NGÀY			3331	5111	6421			
HD 2	06/01	Bán hàng theo HĐ 2- ngày 6/1/2025	1,382,400	102,400	1,280,000				
HD 3	06/01	Bán hàng theo HĐ 3- ngày 06/01/2025	15,964,560	1,182,560	14,782,000				
HD 4	06/01	Bán hàng theo HĐ 4- ngày 06/01/2025	700,000	51,852	648,148				
HD 5	07/01	Bán hàng theo HĐ 5- ngày 07/01/2025	15,991,560	1,184,560	14,807,000				
...	...	...		...					
HD 89	20/03	Bán hàng theo HĐ 89. Ngày 20/03/2025	1,550,005	114,815	1,435,190				
HD 90	20/03	Bán hàng theo HĐ 90. Ngày 20/03/2025	1,123,200	83,200	1,040,000				
HD 91	20/03	Bán hàng theo HĐ 91. Ngày 20/03/2025	5,562,000	412,000	5,150,000				
HD 92	20/03	Bán hàng theo HĐ 92. Ngày 20/03/2025	49,283,942	3,650,662	45,633,280				
HD 93	20/03	Bán hàng theo HĐ 93. Ngày 20/03/2025	1,400,000	103,704	1,296,296				
HD 94	20/03	Bán hàng theo HĐ 94. Ngày 20/03/2025	300,000	22,222	277,778				
HD 95	24/03	Bán hàng theo HĐ 95. Ngày 24/03/2025	6,724,994	498,148	6,226,846				
HD 96	24/03	Bán hàng theo HĐ 96. Ngày 24/03/2025	2,000,000	148,148	1,851,852				
HD 97	24/03	Bán hàng theo HĐ 97. Ngày 24/03/2025	216,000	16,000	200,000				
HD 98	24/03	Bán hàng theo HĐ 98. Ngày 24/03/2025	500,000	37,037	462,963				
HD 99	24/03	Bán hàng theo HĐ 99. Ngày 24/03/2025	18,000,000	1,333,333	16,666,667				
HD 100	25/03	Bán hàng theo HĐ 100. Ngày 25/03/2025	237,600	17,600	220,000				
HD 101	25/03	Bán hàng theo HĐ 101- Ngày 25/03/2025	1,080,000	80,000	1,000,000				
HD 102	25/03	Bán hàng theo HĐ 102- Ngày 25/03/2025	324,000	24,000	300,000				
104	26/03	Bán hàng theo HĐ 104. Ngày 26/03/2025	78,098,108	5,785,045	72,313,063				
1HD 103	26/03	Bán hàng theo HĐ 103. Ngày 26/03/2025	388,800,000	28,800,000	360,000,000				
HD 105	26/03	Bán hàng theo HĐ 105. Ngày 26/03/2025	17,280,000	1,280,000	16,000,000				
BH 108	28/03	Bán hàng theo HĐ 108. Ngày 28/03/2025	2,230,000	165,185	2,064,815				
HD 106	28/03	Bán hàng theo HĐ 106. Ngày 28/03/2025	10,800,000	800,000	10,000,000				
HD 107	28/03	Bán hàng theo HĐ 107. Ngày 28/03/2025	702,000	52,000	650,000				
HD 109	29/03	Bán hàng theo HĐ 109. Ngày 29/03/2025	1,620,000	120,000	1,500,000				
HD 110	29/03	Bán hàng theo HĐ 110. Ngày 29/03/2025	1,512,000	112,000	1,400,000				
HD 111	01/04	Bán hàng theo HĐ 111 - Ngày 01/04/2025	518,400	38,400	480,000				
HD 112	01/04	Bán hàng theo HĐ 112 - Ngày 01/04/2025	842,400	62,400	780,000				
HD 113	03/04	Bán hàng theo HĐ 113 - Ngày 03/04/2025	820,800	60,800	760,000				
...	...	...		...					
HD 425	25/12	Bán hàng theo HĐ 425. Ngày 25/12/2025	12,528,000	928,000	11,600,000				
HD 426	25/12	Bán hàng theo HĐ 426. Ngày 25/12/2025	18,450,000	1,366,667	17,083,333				
HD 427	25/12	Bán hàng theo HĐ 427. Ngày 25/12/2025	5,981,040	443,040	5,538,000				
HD 428	27/12	Bán hàng theo HĐ 428. Ngày 27/12/2025	67,770,000	5,020,000	62,750,000				
HD 429	29/12	Bán hàng theo HĐ 429. Ngày 29/12/2025	1,096,200	81,200	1,015,000				
HD 430	29/12	Bán hàng theo HĐ 430. Ngày 29/12/2025	1,096,200	81,200	1,015,000				
HD 431	29/12	Bán hàng theo HĐ 431. Ngày 29/12/2025	2,143,800	158,800	1,985,000				
HD 432	30/12	Bán hàng theo HĐ 432. Ngày 30/12/2025	10,000,000	740,741	9,259,259				
HD 433	30/12	Bán hàng theo HĐ 433. Ngày 30/12/2025	4,743,792	351,392	4,392,400				
000001	31/12	Xử lý công nợ 131	600			600			
HD 434	31/12	Bán hàng theo HĐ 434. Ngày 31/12/2025	3,736,800	276,800	3,460,000				
HD 435	31/12	Bán hàng theo HĐ 435. Ngày 31/12/2025	4,800,000	355,556	4,444,444				
HD 436	31/12	Bán hàng theo HĐ 436. Ngày 31/12/2025	7,128,000	528,000	6,600,000				
		Tổng cộng	2,322,448,274	172,033,164	2,150,414,510	600	0	0	
						Ngày.....tháng.....năm.....			
Người lập biểu						Kế toán trưởng			

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE				Mẫu số S02A - DNN	
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)	
CHỨNG TỪ GHI SỔ					
Năm 2025					
					Số : N131
Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có			
Thuế GTGT đầu ra	131	33311	172,033,164		
Doanh thu bán hàng hóa	131	5111	2,150,414,510		
Chi phí bán hàng	131	6421	600		
Cộng			2,322,448,274		
		Thành phố Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người lập		Kế toán trưởng			
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)			

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE				Mẫu số: S02c1 - DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)			
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu							
SỔ CÁI							
Năm 2025							
Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ							
Ngày, tháng, ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN		Ghi chú
	SỐ	NGÀY			NỢ	CÓ	
			Số dư đầu kỳ		0	0	
31/12/25	C911	31/12/25	Xác định kết quả kinh doanh	911	2,150,414,510	0	
31/12/25	N131	31/12/25	Phải thu của khách hàng	131	0	2,150,414,510	
			Tổng cộng số phát sinh		2,150,414,510	2,150,414,510	
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		2,150,414,510	2,150,414,510	
			Số dư cuối kỳ		0	0	
Thành phố Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025							
Người ghi sổ			Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		

2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH MTV New File

Trong năm 2025 Công ty TNHH MTV New File không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu nên em xin phép không trình bày.

2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH MTV New File

2.2.1.3.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty là các khoản thu lãi từ ngân hàng.

2.2.1.3.2. Chứng từ sử dụng

- Sổ phụ ngân hàng kiêm báo Nợ/ báo Có.

2.2.1.3.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

Đề hạch toán doanh thu hoạt động tài chính Công ty TNHH MTV New File sử dụng TK 515. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển nên không có số dư cuối kỳ.

2.2.1.3.4. Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ chi tiết TK 515
- Bảng kê ghi Nợ TK 112
- Chứng từ ghi sổ số N112
- Sổ cái TK 515

2.2.1.3.5. Trình tự ghi sổ

Vào cuối mỗi tháng, kế toán mang giấy giới thiệu có chữ ký của giám đốc tới ngân hàng để in sổ phụ về đối chiếu số liệu. Căn cứ vào Giấy báo có lãi tiền gửi, Sổ phụ ngân hàng hoặc sao kê tài khoản ngân hàng, kế toán nhập liệu vào phần mềm Trí Việt. Kế toán chỉ nhập các ô ngày chứng từ, đối tượng, diễn giải, tài khoản nợ có, số tiền theo trên giấy báo có hoặc sao kê ngân hàng. Sau khi nhập liệu vào phần mềm, phần mềm sẽ tự động cập nhập số liệu lên các sổ chi tiết TK 515, Bảng kê ghi Nợ TK 112, chứng từ ghi sổ số N112, và sổ cái TK 515.

***Ví dụ minh họa 3:**

Ngày 18/1/2025 Công ty nhận lãi tiền gửi của ngân hàng TMCP QUÂN ĐỘI Chi nhánh Đà Nẵng (MBB). Số tiền lãi công ty nhận được là 3.416 đồng.

</

Hình 2.8: Sổ phụ chi tiết kiểm bảo nợ/bảo có ngày 18/1/2025

Căn cứ vào sổ phụ ngân hàng TMCP QUÂN ĐỘI kế toán tiến hành ghi nhận lãi tiền gửi vào phân hệ báo có trên phần mềm.

Bước 1: Vào phân hệ “Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay” chọn “Phiếu thu tiền gửi” và nhập thông tin đầy đủ sẽ có được giao diện như sau:

TRÍ VIỆT Accounting Office 10
 In hóa đơn điện tử, kết nối các nhà cung cấp dịch vụ Bkav, Viettel, VNPT, Vina, Mobifone ...

Hỗ trợ trực tuyến
 Version : 10.26.0315
 Cảm ơn >>
 Log Off

Các phân hệ nghiệp vụ	Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay	Cập nhật số liệu
Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay Kế toán bán hàng và công nợ phải thu Kế toán mua hàng và công nợ phải trả Kế toán hàng tồn kho Kế toán chi phí và tính giá thành Kế toán tài sản cố định Kế toán tổng hợp Báo cáo thuế GTGT Báo cáo tài chính Hệ thống	Cập nhật số liệu Báo cáo tiền mặt, tiền gửi ngân hàng	Phiếu thu tiền mặt Phiếu chi tiền mặt Phiếu thu tiền gửi (Giấy báo có) Phiếu chi tiền gửi (Giấy báo nợ) Phiếu chi thanh toán tạm ứng Giấy Ủy nhiệm chi

Mã máy: 1331724593
Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu
Người sử dụng: Admin
 File dữ liệu: D:\AcTech10\Data\New File.mdb

Copyright © 2003-2020 TRÍ VIỆT Software Solutions
 Add: 77/17 Lê Độ - Đà Nẵng
 Tel: 091.468.7717; 090.563.9760 Lê Phước Thịnh
 Website : www.phanmemtriviet.com
 Mail : thinhsoft@gmail.com

Hình 2.9: Giao diện tiến hành nhập lãi tiền gửi

Bước 2: Màn hình hiện ra “Chọn dữ liệu cho sổ nhật ký” → chọn thời gian từ 01/01/2025-31/12/2025 → kích chọn vào ô “Lọc dữ liệu” . Bấm vào “Thêm” để nhập dữ liệu cho phiếu thu tiền gửi: ngày chứng từ, số tiền, diễn giải...

Phiếu Thu Tiền Gửi

Kiểu giao dịch: Phiếu thu cho một đối tượng

Khách hàng: KH 156 Ngân Hàng TM CP Quân Đội Người nộp tiền: Ngân Hàng TM CP Quân Đội Ngày CT: 18/01/2025

Địa chỉ: Mã nhân viên: Số CT: 000008

Lý do chứng từ: Thu lãi tiền gửi T1/2025 CT gốc:

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
1121	515	3.416	Thu lãi tiền gửi T1/2025		

Record: 1 of 1 No Filter Search

Tổng hạch toán: 3.416

Khóa sổ / Mở sổ Mở khóa Thêm phiếu Xóa phiếu In phiếu Ủy nhiệm chi Bảng kê Phiếu KT Quay ra

Hình 2.10: Giao diện phần mềm hạch toán lãi tiền gửi ngày 18/1/2025

Đến cuối kỳ, kế toán sẽ kết xuất dữ liệu in ra các sổ sau:

- Trích “Sổ chi tiết TK 515” xem (Phụ lục 3.2)
- Trích Bảng kê ghi Nợ TK 112 (xem trang 47)
- Trích “Chứng từ ghi sổ số N112” được lập theo năm (xem trang 47)
- Trích “Sổ Cái TK 515” được lập theo năm (xem trang 48)

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE

Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu

BẢNG KÊ GHI NỢ TÀI KHOẢN 112

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

BK Số: N112

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TỔNG	Ghi Có các tài khoản					
SỐ	NGÀY			131	1388	515			
000001	06/01	Thu tiền bán hàng HD 289 (23/12/2024)	2,500,000	2,500,000					
000002	08/01	Thu tiền bán hàng HD 03	15,964,560	15,964,560					
000003	08/01	Thu tiền bán hàng còn lại HD 36	19,170,000	19,170,000					
000004	15/01	Thu tiền bán hàng HD 313 (31/12/2024)	4,525,200	4,525,200					
000005	16/01	Thu tiền bán hàng HD 20	97,200	97,200					
000006	16/01	Thu tiền bán hàng HD 19	6,534,000	6,534,000					
000007	17/01	Thu tiền bán hàng HD 309 & 310/2024 và HD	4,968,000	4,968,000					
000008	18/01	Thu lãi tiền gửi T1/2025	3,416			3,416			
000009	21/01	Thu tiền bán hàng HD 26	3,510,000	3,510,000					
000010	21/01	Thu tiền bán hàng HD 305/2024	518,000	518,000					
000011	21/01	Thu tiền bán hàng HD 311/2024	1,237,680	1,237,680					
000016	31/03	Thu tiền bán hàng HD 95	6,724,994	6,724,994					
000017	31/03	Thu tiền bán hàng HD 96	2,000,000	2,000,000					
000001	02/04	Thu tiền bán hàng HD 103	272,160,000	272,160,000					
000002	04/04	Thu tiền bán hàng HD 115	540,000	540,000					
000003	09/04	Thu tiền bán hàng HD 100 & 111	756,000	756,000					
000004	17/04	Thu tiền bán hàng HD 119	5,000,000	5,000,000					
000005	20/04	Thu lãi tiền gửi T4	1,343			1,343			
...	...	...	...	...	...	...			
000040	30/12	Thu tiền bán hàng HD 430	1,096,200	1,096,200					
000041	30/12	Thu tiền bán hàng HD 431	2,143,800	2,143,800					
000042	30/12	Thu tiền bán hàng HD 426	18,450,000	18,450,000					
000043	30/12	Thu tiền bán hàng HD 433	4,743,792	4,743,792					
000044	31/12	Thu tiền bán hàng HD 435	4,000,000	4,000,000					
000045	31/12	Thu tiền bán hàng HD 434	3,736,800	3,736,800					
		Tổng cộng	1,959,784,355	1,927,931,911	31,840,000	12,444	0	0	0
						Ngày.....tháng.....năm.....			
Người lập biểu						Kế toán trưởng			

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE				Mẫu số S02A - DNN
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)
CHỨNG TỪ GHI SỐ				
Năm 2025				
				Số : N112
Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Phải thu của khách hàng	1121	131	1,927,931,911	
Phải thu khác	1121	1388	31,840,000	
Doanh thu hoạt động tài chính	1121	515	12,444	
Cộng			1,959,784,355	

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE				Mẫu số: S02c1 - DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)			
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu							
SỔ CÁI							
Năm 2025							
Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính							
Ngày, tháng, ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN		Ghi chú
	SỐ	NGÀY			NỢ	CÓ	
			Số dư đầu kỳ		0	0	
31/12/25	C911	31/12/25	Xác định kết quả kinh doanh	911	12,444	0	
31/12/25	N112	31/12/25	Tiền Việt Nam	1121	0	12,444	
			Tổng cộng số phát sinh		12,444	12,444	
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		12,444	12,444	
			Số dư cuối kỳ		0	0	
Thành phố Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025							
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Giám đốc			
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)			

2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH MTV New File

Trong năm 2025 Công ty TNHH MTV New File không phát sinh các khoản thu nhập khác nên em xin phép không trình bày.

2.2.2. Kế toán chi phí

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH MTV New File

2.2.2.1.1. Phương pháp xác định giá vốn hàng bán

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm xuất kho để xác định giá vốn hàng xuất kho. Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập hàng, kế toán tiến hành xác định lại đơn giá bình quân của hàng tồn kho trên cơ sở tổng giá trị hàng tồn kho và tổng số lượng hàng tồn kho hiện có.

Khi phát sinh nghiệp vụ xuất kho, kế toán căn cứ vào đơn giá bình quân tại thời điểm xuất kho và số lượng hàng thực tế xuất kho để xác định giá vốn hàng xuất kho. Theo đó, đơn giá bình quân được xác định bằng cách lấy tổng giá trị hàng tồn kho chia cho tổng số lượng hàng tồn kho tại thời điểm xuất kho; sau đó lấy đơn giá bình quân nhân với số lượng hàng xuất kho để xác định giá vốn của hàng xuất kho.

2.2.2.1.3. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho

2.2.2.1.4. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán để phản ánh giá vốn của hàng hóa đã xuất trong kỳ. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang tài khoản 911 nên không có số dư cuối kỳ.

2.2.2.1.5. Sổ sách sử dụng

- Bảng kê ghi Nợ TK 154

- Sổ chi tiết TK 632
- Chứng từ ghi sổ số N154
- Chứng từ ghi sổ số N632
- Sổ cái TK 632

2.2.2.1.6. Trình tự ghi sổ

Kế toán hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai định kỳ, việc nhập xuất được ghi nhận vào cuối kỳ khi các nghiệp vụ phát sinh. Giá trị hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo thời điểm. Để tính được giá vốn theo phương pháp bình quân gia quyền theo thời điểm, kế toán cần **“Khai báo ban đầu”** trong phần mềm Trí Việt; chọn **“Giá bình quân gia quyền theo thời điểm”** trong phần **“Quản lý giá vốn bằng phương pháp”** và chọn **“Lưu”**.

Khai báo ban đầu

Đơn vị sử dụng: Màn hình chứng từ | In ấn | Tài khoản mặt định khi nhập CT | Dữ liệu | Hóa đơn tự in | Hệ thống | Quản lý kho

Thông tin đơn vị

Mã đơn vị: NEW FILE
 Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE
 Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu
 Tỉnh thành: Thành phố Đà Nẵng | Số điện thoại: 0387109193
 Mã số thuế: 0402210550 | Mã chi nhánh:
 Giám đốc: Ngô Thị Mỹ Nhung | Email: hongloan79@gma
 Kế toán trưởng: | Thủ kho:
 Kế toán viên: | Thủ quỹ:

Nơi mở tài khoản giao dịch:
 Số hiệu tài khoản nơi gửi:

Người ký 1 BBKN: | Chức vụ:
 Người ký 2 BBKN: | Chức vụ:
 Người ký 3 BBKN: | Chức vụ:

Tùy chọn in ấn

Mẫu phiếu nhập xuất: Mẫu phiếu tự động in 2 liên hoặc 1 liên
☐ Phiếu nhập xuất không in giá trị ☐ BBKN theo ngày
 Số dòng tối đa trên phiếu nhập: 0 ☐ Phiếu NX lấy giá bán
 Nếu có giá trị = 0 thì chương trình tạo số dòng tự động
 Mẫu phiếu thu chi: Giấy A4 1 liên
 Mẫu bán hàng: PhieuBanHang
 Mẫu BBĐC:
☐ Phiếu bán hàng lấy đơn giá có Thuế
☐ Bảng kê hóa đơn mua lấy Số CT làm ghi chú
☐ Lấy ngày chứng từ gần cho ngày ký bên dưới khi in phiếu

Năm tài chính bắt đầu 2025
 Thông tin năm này được chương trình sử dụng để kiểm soát thời gian bắt đầu sử dụng của chương trình, và dựa vào thời gian này chương trình không chế chỉ cho phép dữ liệu phát sinh kể từ năm này trở đi.
 Báo cáo tài chính theo mẫu: Thông tư 133/2016/TT-BTC
 Mẫu BC tình hình tài chính:

Quản lý giá vốn bằng phương pháp

☐ Giá nhập trước xuất trước ☐ Giá từ danh mục hàng hóa
☐ Giá bình quân gia quyền cuối tháng ☐ Giá rỗng, tự gõ bằng tay
☒ **Giá bình quân gia quyền theo thời điểm** ☐ Giá BQ cuối tháng ko phân biệt phiếu trả hàng, update như nhau
☐ Giá đích danh
☐ Tắt chức năng diễn giá vốn khi nhập phiếu (nhằm CT chạy nhanh)
☒ Bật chức năng diễn lại giá vốn cho các phiếu xuất khi kết chuyển

Cách điền đơn giá bán tự động: Lấy giá chưa VAT từ danh mục

Chọn mẫu hóa đơn GTGT sử dụng

☒ Mẫu hóa đơn GTGT của bộ tài chính ☐ Không in thông tin Cty
☐ Mẫu hóa đơn đặt in thiết kế riêng
☐ Mẫu hóa bán hàng thông thường có mục VAT
☐ Mẫu hóa bán hàng thông thường không có mục VAT
☐ Mẫu hóa đơn đặt in thiết kế trên Excel (file HoaDonGTGT.xls)
☐ Mẫu hóa đơn tự in file Report...
☐ Hóa đơn điện tử

Số Pixel tăng giảm lề trên: 0 | Số Pixel tăng giảm lề trái: 0

☒ Tắt hộp thoại khai báo này mỗi lần khởi động chương trình

Lưu | Bỏ qua

Hình 2.11: Giao diện khai báo ban đầu trên phần mềm Trí Việt

***Ví dụ minh họa 4:**

Ngày 27/12/2025 tính giá vốn hàng hóa đã bán trong tháng 12 năm 2025. Lấy ví dụ tính giá vốn của hóa đơn GTGT 428 cho Công ty TNHH L.U.X PROPERTY DANANG ngày 27/12/2025.

Kế toán tiến hành tính giá vốn trên phần mềm Trí Việt theo thứ tự các bước sau:

Bước 1: Kế toán vào phân hệ “ Kế toán hàng tồn kho” → “Cập nhật số liệu” → “Phiếu xuất sản xuất”.

Hình 2.12: Giao diện cập nhật số liệu giá vốn trên phần mềm Trí Việt

Bước 2: Chọn hóa đơn GTGT 428 sau đó nhập đầy đủ thông tin phiếu xuất sản xuất thì đồng thời giá vốn sẽ “tự động hiện ra”.

Hình 2.13: Giao diện phiếu xuất sản xuất của hóa đơn GTGT 428 trên phần mềm Trí Việt

***Ví dụ minh họa 5:**

Ngày 30/12/2025 tính giá vốn hàng hóa đã bán trong tháng 12 năm 2025. Lấy ví dụ tính giá vốn của hóa đơn GTGT 432 cho CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG ngày 30/12/2025.

- Tương tự Hóa đơn GTGT 428, kế toán chọn hóa đơn GTGT 428 sau đó nhập đầy đủ thông tin phiếu xuất sản xuất thì đồng thời giá vốn sẽ “tự động hiện ra”.

Kho	Mã HH	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Giá bán	Thành tiền	TK Ng	TK Cc	Diễn giải
NVL	VT00192	MICA 1220 X 2440 X 2MM	Tấm	4,50	550.017,83	2.475.080	154	152	Xuất sản xuất HĐ 432
NVL	VT0164	"Led module SiD 3Led, chip Seoul 2	Cái	230,00	5.000,00	1.150.000	154	152	Xuất sản xuất HĐ 432
NVL	VT0179	Thanh nhôm hợp kim hiệu Xingfa (	kg	11,00	76.300,00	839.300	154	152	Xuất sản xuất HĐ 432
NVL	VT0195	Thép vuông kẽm 30	kg	27,15	16.909,44	459.091	154	152	Xuất sản xuất HĐ 432
NVL	VT0232	Tấm ốp nhôm nhựa 1220 x 2440 x	Tấm	3,00	367.272,78	1.101.818	154	152	Xuất sản xuất HĐ 432

Hình 2.15: Giao diện phiếu xuất sản xuất của hóa đơn GTGT 432 trên phần mềm Trí Việt

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo TT số 133/2016 TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 30 tháng 12 năm 2025 Số: 000432

Họ tên người nhận hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐÀ NẴNG
Địa chỉ (bộ phận): Lô G, Đường Tạ Quang Bửu, Phường Hải Vân, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
Lý do xuất kho: Xuất sản xuất HĐ 432
Xuất tại kho: Kho Nguyên vật liệu

STT	Tên vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	MICA 1220 X 2440 X 2MM	Tấm	4,50	550.017,83	2.475.080
2	"Led module SiD 3Led, chip Seoul 2835, màu trắng 10000	Cái	230,00	5.000,00	1.150.000
3	Thanh nhôm hợp kim hiệu Xingfa (Thép V)	kg	11,00	76.300,00	839.300
4	Thép vuông kẽm 30	kg	27,15	16.909,44	459.091
5	Tấm ốp nhôm nhựa 1220 x 2440 x 3,0 x 0,1	Tấm	3,00	367.272,78	1.101.818
Cộng					6.025.289

Tổng số tiền (viết bằng chữ) Sáu triệu hai mươi lăm ngàn hai trăm tám mươi chín đồng

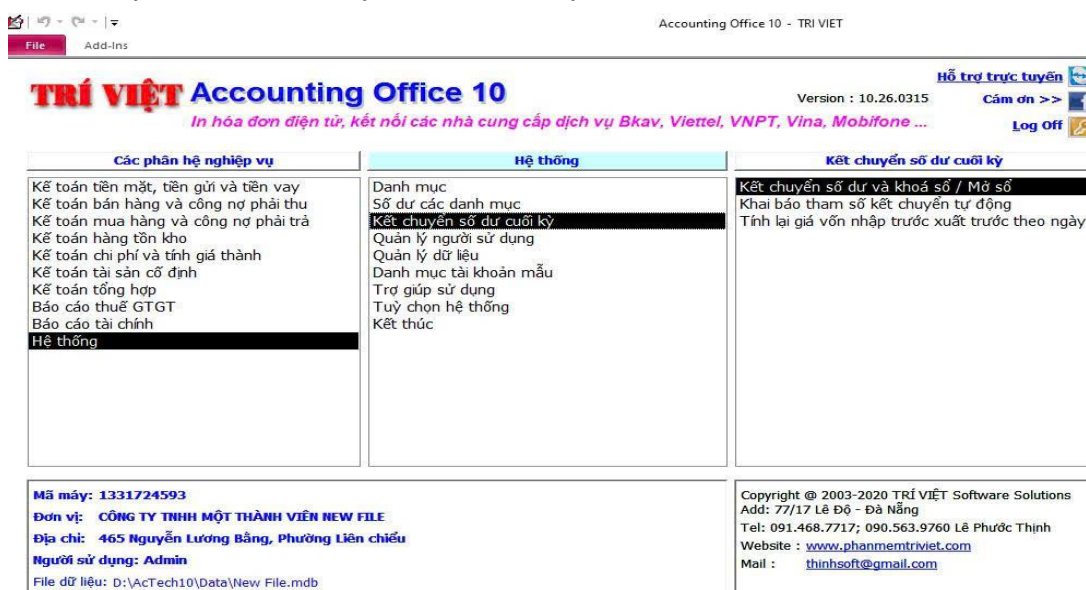
Thành phố Đà Nẵng, Ngày tháng năm 2

Người lập phiếu (Ký, họ tên) Người nhận hàng (Ký, họ tên) Thủ kho (Ký, họ tên) Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Giám đốc (Ký, họ tên)

Hình 2.16: Phiếu xuất kho của hóa đơn GTGT 432

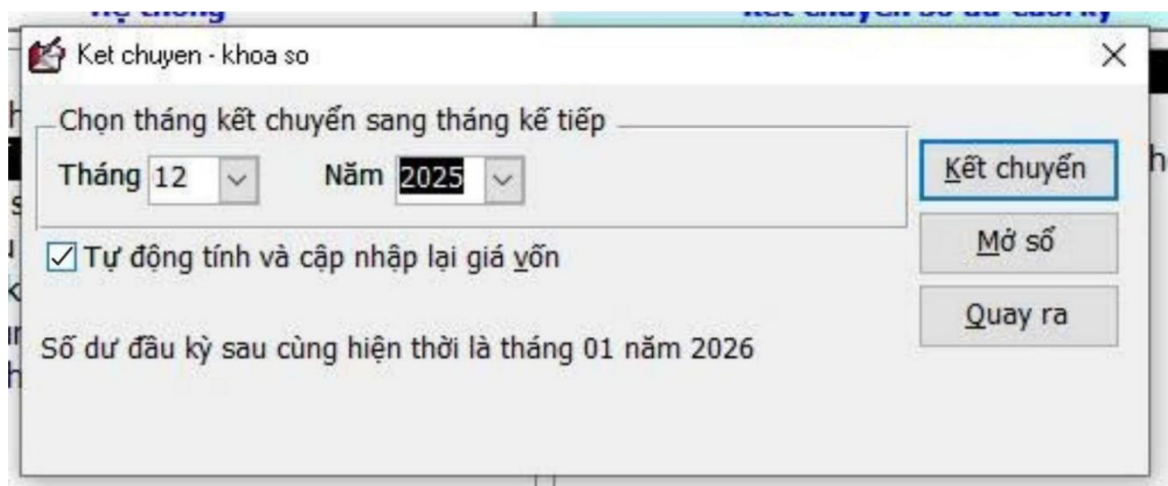
Cuối kỳ, kế toán thực hiện thao tác kết chuyển khóa sổ

Kế toán sẽ trở lại màn hình chính của phần mềm kích chọn “Hệ thống” → chọn “Kết chuyển sổ dư cuối kỳ” → “Kết chuyển sổ dư và khóa sổ/ Mở sổ”.



Hình 2.17: Giao diện thực hiện kết chuyển sổ dư cuối kỳ

Tích vào ô “Tự động tính và cập nhập lại giá vốn” → nhấn “Kết chuyển” sau đó giá vốn sẽ được chạy lại lần nữa chính xác hơn. Đồng thời phần mềm sẽ kết chuyển TK 154 sang TK 632.



Hình 2.18: Giao diện kết chuyển - khóa sổ

Đến cuối kỳ, kế toán sẽ kết xuất dữ liệu in ra các sổ sau:

- Trích sổ chi tiết TK 632 xem (**Phụ lục 3.3**)
- Trích Bảng kê ghi Nợ TK 154 (xem trang 54)
- Trích chứng từ ghi sổ số N154 được lập theo năm (xem trang 55)
- Trích chứng từ ghi sổ số N632 được lập theo năm (xem trang 55)
- Trích sổ cái TK 632 (xem trang 55)

Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

BK Số: N154

Người lập biểu

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE				Mẫu số S02A - DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu				
CHỨNG TỪ GHI SỔ				
Năm 2025				
				Số : N154
Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Nguyên liệu, vật liệu	154	152	1,152,172,566	
Cộng			1,152,172,566	
Thành phố Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Người lập		Kế toán trưởng		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE				Mẫu số S02A - DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu				
CHỨNG TỪ GHI SỔ				
Năm 2025				
				Số : N632
Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	632	154	1,152,172,566	
Cộng			1,152,172,566	
Thành phố Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Người lập		Kế toán trưởng		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE				Mẫu số: S02c1 - DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)			
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu							
SỔ CÁI							
Năm 2025							
Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán							
Ngày, tháng, ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN		Ghi chú
	SỐ	NGÀY			NỢ	CÓ	
			Số dư đầu kỳ		0	0	
31/12/25	N632	31/12/25	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	154	1,152,172,566	0	
31/12/25	N911	31/12/25	Xác định kết quả kinh doanh	911	0	1,152,172,566	
			Tổng cộng số phát sinh		1,152,172,566	1,152,172,566	
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		1,152,172,566	1,152,172,566	
			Số dư cuối kỳ		0	0	
Thành phố Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025							
Người ghi sổ			Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		

2.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh của công ty phát sinh chi phí bao gồm: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2.2.2.1. Chi phí bán hàng

➤ Nội dung chi phí bán hàng:

Công ty không phát sinh các khoản đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho người lao động nên chỉ phát sinh tiền lương, thưởng chuyên cần cho nhân viên.

Công ty không đăng ký TSCĐ, nên không có phát sinh nghiệp vụ tính khấu hao và phân bổ khấu hao TSCĐ.

Trong năm không có phát sinh mua mới công cụ, dụng cụ. Chỉ có phát sinh phân bổ công cụ dụng cụ theo giá trị còn lại của năm trước chuyển sang năm 2025 để phân bổ tiếp.

➤ Chứng từ sử dụng:

- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán tiền lương
- Phiếu kế toán

➤ Tài khoản sử dụng:

Đề hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty TNHH MTV New File sử dụng TK 6421 – Chi phí bán hàng. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang TK 911 nên không có số dư cuối kỳ.

➤ Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết tài khoản 6421
- Bảng kê ghi Nợ tài khoản 642
- Chứng từ ghi sổ số N642, C111, C112
- Sổ cái TK 6421

➤ Trình tự ghi sổ:

Kế toán tiến hành tính lương dựa vào bảng chấm công sau đó ghi nhận lên phần mềm kế toán.

***Ví dụ minh họa 6:**

Ngày 30/11/2025 Công ty TNHH MTV New File tiến hành tính lương tháng 11 cho nhân viên với tổng số tiền tính lương là 46.728.000 VND.

CÔNG TY TNHH MTV NEW FILE																														2025-11-30						
MST: 0402210550																																				
465 Nguyễn Lương Bằng, P Hòa Khánh Bắc, Q.Liên Chiểu, Đà Nẵng																																				
BẢNG CHẤM CÔNG																																				
Tháng 11 năm 2025																																				
STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ NGÀY LÀM VIỆC TRONG THÁNG 11/2025																														Tổng công	Giờ tăng ca	Lương CB	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30				
			17	CN	T2	T3	T4	T5	T6	17	CN	T2	T3	T4	T5	T6	17	CN	T2	T3	T4	T5	T6	17	CN	T2	T3	T4	T5	T6	17	CN				
	2	3																															35	36	37	
1	Nguyễn Phú Quốc	P.Giám Đốc	8			8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8			8	8	8	8	8	8	24.0		9,000,000
2	Trương Thị Hà	KT Trưởng	8			8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8			8	8	8	8	8	8	25.0		7,500,000
3	Ngô Thủy Dương	NV Bán Hàng	8			8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8			8	8	8	8	4 N		23.5		6,000,000
4	Lê Thanh Hải	NV Thiết Kế	8			8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8			8	8	8	8	8	8	25.0		6,000,000
5	Nguyễn Tuấn Anh	NV Thiết Kế	8			8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	N	N	N	N	6	6.5				8	8	8	8	8	8	20.6		7,000,000
6	Ngô Tường Ngân	NV Phòng in	8			8	8	N	N	N	8		8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8			8	8	8	8	8	8	22.0		6,500,000
7	Trần Văn Huy	NV Phòng in	8			8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8			8	8	8	8	8	8	25.0	1.5	6,500,000
GHI CHÚ		N	Nghỉ làm (nghỉ không lương)																																	
		8	8 tiếng																																	
Người lập										Kế toán										Giám đốc																

Hình 2.19: Bảng chấm công Tháng 11 năm 2025

CÔNG TY TNHH MTV NEW FILE												
ĐỊA CHỈ: 465 Nguyễn Lương Bằng, P .Liên Chiểu, TP Đà Nẵng												
BẢNG TÍNH LƯƠNG NHÂN VIÊN												
Tháng 11 năm 2025												
STT	MÃ NV	TÊN NHÂN VIÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG CƠ BẢN	NGÀY CÔNG	GIỜ TĂNG CA	LƯƠNG NGÀY CÔNG	LƯƠNG TĂNG CA	Thưởng chuyên cần	Thưởng hiệu quả	Tổng lương thực nhận	Ký nhận
1	NV-0006	Nguyễn Phú Quốc	P.Giám Đốc	9,000,000	24.0	-	8,640,000	-			8,640,000	
2	NV-0030	Ngô Thủy Dương	NV Bán hàng	6,000,000	23.5	-	5,640,000	-			5,640,000	
3	NV-0022	Trương Thị Hà	KT Trưởng	7,500,000	25.0	-	7,500,000	-	300,000		7,800,000	
4	NV-0020	Lê Thanh Hải	NV Thiết kế	6,000,000	25.0	-	6,000,000	-	300,000		6,300,000	
5	NV-0031	Trần Văn Huy	NV Phòng in	6,500,000	25.0	1.5	6,500,000	70,313	300,000		6,870,000	
6	NV-0019	Nguyễn Tuấn Anh	NV Thiết kế	7,000,000	20.6	-	5,757,500	-			5,758,000	
7	NV-0025	Ngô Tường Ngân	NV Phòng in	6,500,000	22.0	-	5,720,000	-			5,720,000	
TỔNG CỘNG				48,500,000	165.1	1.5	45,757,500	70,313	900,000	-	46,728,000	
Đà Nẵng , ngày 30/11/2025												
Giám đốc duyệt												

Hình 2.20: Bảng tính lương nhân viên Tháng 11 năm 2025

Lương ngày công = Lương Cơ bản/26 x Ngày công

Lương tăng ca = Lương cơ bản /26/8 x số giờ tăng ca x 150%

26 tức là công chuẩn của 1 tháng: 30 ngày - 4 ngày chủ nhật = 26 ngày

Căn cứ vào bảng chấm công và bảng tính lương của tháng 11 năm 2025, kế toán vào phần mềm trình tự nhập liệu như sau:

Bước 1: Kế toán vào phân hệ “Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay” → Chọn “Cập nhật số liệu” → “Phiếu chi tiền mặt”.

Hình 2.21: Giao diện tiến hành nhập phiếu chi tiền mặt

Bước 2: Nhập đầy đủ thông tin phiếu chi tiền mặt: Ngày chứng từ, lý do chứng từ, số tiền,...

Hình 2.22: Giao diện nhập chi lương nhân viên tháng 11 năm 2025 trên phần mềm Trí Việt

Vì doanh nghiệp có phát sinh tạm ứng lương trong tháng và đồng thời sử dụng phần mềm có chức năng tự động kết chuyển và phân bổ chi phí tiền lương cuối kỳ nên kế toán thường thực hiện tổng hợp số liệu vào cuối tháng thay vì nhập riêng từng lần tạm ứng hoặc chi lương. Các khoản tạm ứng lương được doanh nghiệp theo dõi nội bộ và cuối kỳ tổng hợp để đối trừ công nợ phải trả người lao động. Doanh nghiệp chi lương thực tế trước, nhưng cuối kỳ kế toán tổng hợp và ghi nhận chi phí lương theo nguyên tắc kế toán.

*** Ví dụ minh họa 7:**

Ngày 31/12/2025 kế toán vào phần mềm phân bổ công cụ dụng cụ theo giá trị còn lại của năm trước chuyển sang năm 2025 để phân bổ tiếp như sau:

Bước 1: Kế toán vào phân hệ “Kế toán tổng hợp” → Chọn “Cập nhật số liệu” → “Phiếu kế toán”.

Hình 2.23: Giao diện tiến hành phân bổ công cụ dụng cụ

Bước 2: Kế toán thực hiện bút hoán phân bổ CCDC “Máy cán màng DMAIS” cho 12 tháng năm 2025.

Hình 2.24: Giao diện phân bổ CCDC trên phần mềm Trí Việt

Xem Phiếu kế toán phân bổ CCDC ngày 31/12/2025 (Phụ lục 3.4)

2.2.2.2.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

➤ Nội dung chi phí quản lý doanh nghiệp:

Bao gồm các khoản chi phí liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành doanh

nghiệp mà không trực tiếp gắn liền với hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm...

Gồm chi phí dịch vụ mua ngoài: dịch vụ thu gom rác thải, điện tiêu thụ,...

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi

➤ **Tài khoản sử dụng:**

Công ty sử dụng TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang TK 911 nên không có số dư cuối kỳ.

➤ **Sổ sách kế toán sử dụng:**

- Sổ chi tiết TK 6422

- Bảng kê ghi Có tài khoản 111

- Chứng từ ghi sổ số N642, C111, C112

- Sổ cái TK 6422

➤ **Trình tự ghi sổ:**

Đối với chi phí thu gom, vận chuyển rác thường được thanh toán bằng tiền mặt, vì vậy kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT và phiếu chi để hạch toán lên phần mềm kế toán Trí Việt.

***Ví dụ minh họa 8:**

Ngày 29/11/2025 Công ty TNHH MTV New File thanh toán phí vệ sinh theo HĐ 131381 với số tiền 162.000 VNĐ đã bao gồm thuế VAT. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Xem Phiếu chi phí vệ sinh tháng 11 năm 2025 HĐ 131381 (Phụ lục 3.5)

Kế toán vào phần mềm trình tự nhập liệu như sau:

Bước 1: Vào phân hệ “Kế toán tiền mặt, tiền gửi tiền vay” → Chọn “ Cập nhật số liệu” → “ Phiếu chi tiền mặt”.

TRÍ VIỆT Accounting Office 10
In hóa đơn điện tử, kết nối các nhà cung cấp dịch vụ Bkav, Viettel, VNPT, Vina, Mobifone ...

[Hỗ trợ trực tuyến](#)
Version : 10.26.0315
[Cảm ơn >>](#)
[Log Off](#)

Các phân hệ nghiệp vụ	Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay	Cập nhật số liệu
Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay Kế toán bán hàng và công nợ phải thu Kế toán mua hàng và công nợ phải trả Kế toán hàng tồn kho Kế toán chi phí và tính giá thành Kế toán tài sản cố định Kế toán tổng hợp Bảo cáo thuế GTGT Bảo cáo tài chính Hệ thống	Cập nhật số liệu Bảo cáo tiền mặt, tiền gửi ngân hàng	Phiếu thu tiền mặt Phiếu chi tiền mặt Phiếu thu tiền gửi (Giấy báo có) Phiếu chi tiền gửi (Giấy báo nợ) Phiếu chi thanh toán tạm ứng Giấy Ủy nhiệm chi

Hình 2.25: Giao diện tiến hành nhập phiếu chi tiền vệ sinh

Bước 2: Kế toán nhập đầy đủ thông tin vào phiếu chi tiền mặt: Ngày chứng từ, diễn giải, số tiền,...

Phiếu Chi Tiền Mặt

Kiểu giao dịch: Phiếu chi cho một đối tượng

Khách hàng: NCC-012 CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ H Người nhận tiền: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ H Ngày CT: 29/11/2025

Địa chỉ: Đường Số 4, Khu Công Nghiệp Hòa Khánh, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu Mã nhân viên: Số CT: 000015

Lý do chứng từ: Thanh toán phí vệ sinh T11/2025 CT gốc

1. Chi tiết hạch toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
6422	1111	150.000	Thanh toán phí vệ sinh T11/2025. HĐ 131381		

Record: 1 of 1 No Filter Search

Hóa đơn GTGT

Ký hiệu	Sêri HĐ	Ngày HĐ	VAT	Tiền chưa VAT	Tiền VAT	Mã KH	Tên cơ sở KD	Địa chỉ	Mã số thuế
1K25TDN	131381	29/11/2025	10	150.000	12.000		CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ H	Đường Số 4, Khu Công Nghiệp Hòa Khánh, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu	0100105535-012

Record: 1 of 1 No Filter Search

Thuế - Ghi Nợ 1331 Ghi Có 1111 Vụ việc

Tổng chưa thuế 150.000 Tổng thuế VAT 12.000 Tổng hoá đơn 162.000 Tổng hạch toán 162.000

Khóa sổ / Mở sổ Mở khóa Thêm phiếu Xoá phiếu In phiếu Ủy nhiệm chi Bảng kê Phiếu KT Quay ra

Hình 2.26: Giao diện nhập phiếu chi theo HĐ 131381 trên phần mềm Trí Việt

Cuối kỳ, kế toán in sổ chi tiết, chứng từ ghi sổ, sổ cái để lưu trữ.

- Trích Sổ chi tiết TK 6421 xem (**Phụ lục 3.6**)
- Trích Sổ chi tiết TK 6422 xem (**Phụ lục 3.7**)
- Trích bảng kê ghi Nợ tài khoản 642 (xem trang 62)
- Trích bảng kê ghi Có tài khoản 111 (xem trang 62)
- Trích chứng từ ghi sổ số N642 được lập theo năm (xem trang 63)
- Trích chứng từ ghi sổ số C111 được lập theo năm (xem trang 63)
- Trích chứng từ ghi sổ số C112 được lập theo năm (xem trang 63)
- Trích chứng từ ghi sổ số N131 được lập theo năm (xem trang 64)
- Trích sổ cái TK 6421 (xem trang 64)
- Trích sổ cái TK 6422 (xem trang 65)

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE

Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu

BẢNG KÊ GHI NỢ TÀI KHOẢN 642

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

BK Số: N642

CHỨNG TỬ		DIỄN GIẢI	TỔNG	Ghi Có các tài khoản				
SỐ	NGÀY			131	242	3331	3338	334
000002	19/01	Điều chỉnh giảm thuế GTG HĐ 311 (31/12/2024) đã xuất giảm tiền thuế tại HĐ 31(19/01/2025	18,520			18,520		
KC-000002	31/01	KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	37,600,000					37,600,000
KC-000002	28/02	KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	43,483,000					43,483,000
KC-000002	31/03	KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	53,170,000					53,170,000
KC-000002	30/04	KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	47,537,000					47,537,000
KC-000002	31/05	KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	48,565,000					48,565,000
KC-000002	30/06	KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	47,172,000					47,172,000
KC-000002	31/07	KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	51,655,000					51,655,000
KC-000002	31/08	KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	50,541,000					50,541,000
KC-000002	30/09	KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	48,032,000					48,032,000
KC-000002	31/10	KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	51,543,000					51,543,000
KC-000002	30/11	KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	46,728,000					46,728,000
000001	31/12	Xử lý công nợ 131	9,009	9,009				
000003	31/12	Phân bổ CCDC Máy cán màng DMAIS năm 2025	9,333,336		9,333,336			
000004	31/12	Kết chuyển thuế môn bài 2025	2,000,000				2,000,000	
KC-000002	31/12	KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	49,573,000					49,573,000
		Tổng cộng	586,959,865	9,009	9,333,336	18,520	2,000,000	575,599,000

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE										
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu										
BẢNG KÊ GHI CÓ TÀI KHOẢN 111										
Ngày 31 tháng 12 năm 2025								BK Số: C111		
CHỨNG TỬ		DIỄN GIẢI	TỔNG	Ghi Nợ các tài khoản						
SỐ	NGÀY			1121	131	1331	331	334	6421	
000001	06/01	Thanh toán mua Mica - HĐ 28	10,134,720				10,134,720			
000027	06/01	Điều chỉnh hồi tố bút toán Phiếu thu 221 (23/12/2024) thu tiền HĐ 289 (23/12/2025)	2,500,000		2,500,000					
000002	07/01	Thahh toán mua dây cáp điện. HĐ 1	1,410,000				1,410,000			
000003	08/01	Thanh toán gia công chữ inox. HĐ 5	5,500,000				5,500,000			
000004	08/01	Thanh toán mua mica HĐ 47	19,899,000				19,899,000			
000005	08/01	Thanh toán mua đèn Led. HĐ 11	5,500,000				5,500,000			
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	
000001	28/02	Nộp quỹ vào TK Cty	17,000,000	17,000,000						
000003	28/02	Chi lương nhân viên tháng 2/2025	43,483,000					43,483,000		
000001	04/03	Thanh toán tiền Mica. HĐ 493	19,602,000				19,602,000			
000002	04/03	Thanh toán tiền thép hộp kẽm. HĐ 38	3,815,834				3,815,834			
000003	05/03	Thanh toán tiền Mica. HĐ 510	4,158,000				4,158,000			
000004	05/03	Thanh toán tiền alu. HĐ 511	330,000				330,000			
000005	19/03	Thanh toán tiền Bạt nhựa. HĐ 305	19,003,680				19,003,680			
000006	20/03	Thanh toán tiền mực in. HĐ 314	5,500,000				5,500,000			
000007	22/03	Thanh toán tiền thép hộp kẽm. HĐ 52	6,272,640				6,272,640			
000020	23/03	Thanh toán tiền mua 20 000 cái móc khóa tron làm cho Đơn hàng Đại Học Duy Tân	27,000,000						27,000,000	
000008	24/03	Thanh toán tiền gia công chữ inox. HĐ 73	2,145,000				2,145,000			
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	
000006	22/11	Nộp quỹ vào TK Cty	12,000,000	12,000,000						
000007	29/11	Nộp quỹ vào TK Cty	6,000,000	6,000,000						
000014	29/11	Thanh toán tiền Thảm, ván MDF. HĐ 630	3,477,600				3,477,600			
000015	29/11	Thanh toán phí vệ sinh T11/2025. HĐ 131381	162,000			12,000			150,000	
000016	30/11	Chi lương nhân viên tháng 11/2025	46,728,000					46,728,000		
000001	02/12	Thanh toán tiền thép hộp. HĐ 784	4,476,010				4,476,010			
000002	06/12	Thanh toán tiền thép hộp. HĐ 792	3,489,640				3,489,640			
000003	06/12	Thanh toán tiền Vò tù điện. HĐ 142	432,000				432,000			
000005	11/12	Thanh toán tiền thép hộp. HĐ 1296	4,734,275				4,734,275			
000006	11/12	Thanh toán tiền Alu. HĐ 907	3,636,000				3,636,000			
000007	18/12	Thanh toán tiền phí vệ sinh T12.2025. HĐ 141095	162,000			12,000			150,000	
000008	31/12	Chi lương nhân viên tháng 12/2025	49,573,000					49,573,000		
		Tổng cộng	1,512,938,169	237,940,000	2,500,000	2,149,354	640,515,169	575,599,000	41,000,000 13,234,646	
				Ngày.....tháng.....năm.....						
Người lập biểu				Kế toán trưởng						

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE				Mẫu số S02A - DNN	
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)	
CHỨNG TỪ GHI SỔ					
Năm 2025					
					Số : N642
Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có			
Phải thu của khách hàng	6421	131	9,009		
Chi phí trả trước	6421	242	9,333,336		
Phải trả người lao động	6421	334	575,599,000		
Thuế GTGT đầu ra	6422	33311	18,520		
Các loại thuế khác	6422	33382	2,000,000		
Cộng			586,959,865		
Người lập		Thành phố Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
(Ký, họ tên)		Kế toán trưởng			
		(Ký, họ tên)			

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE				Mẫu số S02A - DNN	
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)	
CHỨNG TỪ GHI SỔ					
Năm 2025					
				Số : C111	
Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có			
Tiền Việt Nam	1121	1111	237,940,000		
Phải thu của khách hàng	131	1111	2,500,000		
Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	1111	2,149,354		
Phải trả cho người bán	331	1111	640,515,169		
Phải trả người lao động	334	1111	575,599,000		
Chi phí bán hàng	6421	1111	41,000,000		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	1111	13,234,646		
Cộng			1,512,938,169		
Người lập		Thành phố Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
(Ký, họ tên)		Kế toán trưởng			
		(Ký, họ tên)			

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE				Mẫu số S02A - DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)	
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu					
CHỨNG TỪ GHI SỔ					
Năm 2025					
					Số : C112
Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có			
Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	1121	169,778		
Phải thu khác	1388	1121	31,840,000		
Phải trả cho người bán	331	1121	675,005,126		
Thuế GTGT đầu ra	33311	1121	67,654,600		
Các loại thuế khác	33382	1121	2,000,000		
Chi phí bán hàng	6421	1121	39,600		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	1121	3,076,222		
Cộng			779,785,326		
		Thành phố Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người lập		Kế toán trưởng			
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)			

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE				Mẫu số S02A - DNN	
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)	
CHỨNG TỪ GHI SỔ					
Năm 2025					
				Số : N131	
Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có			
Thuế GTGT đầu ra	131	33311	172,033,164		
Doanh thu bán hàng hóa	131	5111	2,150,414,510		
Chi phí bán hàng	131	6421	600		
Cộng			2,322,448,274		
Thành phố Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Người lập		Kế toán trưởng			
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)			

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE						Mẫu số: S02c1 - DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)		
			SỔ CÁI					
			Năm 2025					
			Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng					
Ngày, tháng, ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN		Ghi chú	
	SỐ	NGÀY			NỢ	CÓ		
			Số dư đầu kỳ		0	0		
31/12/25		31/12/25	Phải trả cho người bán	331	0	720		
31/12/25	C111	31/12/25	Tiền Việt Nam	1111	41,000,000	0		
31/12/25	C112	31/12/25	Tiền Việt Nam	1121	39,600	0		
31/12/25	N131	31/12/25	Phải thu của khách hàng	131	0	600		
31/12/25	N642	31/12/25	Phải thu của khách hàng	131	9,009	0		
31/12/25	N642	31/12/25	Chi phí trả trước	242	9,333,336	0		
31/12/25	N642	31/12/25	Phải trả người lao động	334	575,599,000	0		
31/12/25	N911	31/12/25	Xác định kết quả kinh doanh	911	0	625,979,625		
			Tổng cộng số phát sinh		625,980,945	625,980,945		
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		625,980,945	625,980,945		
			Số dư cuối kỳ		0	0		
Thành phố Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025								
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE				Mẫu số: S02c1 - DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)			
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu							
SỔ CÁI							
Năm 2025							
Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp							
Ngày, tháng, ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN		Ghi chú
	SỐ	NGÀY			NỢ	CÓ	
			Số dư đầu kỳ		0	0	
31/12/25	C111	31/12/25	Tiền Việt Nam	1111	13,234,646	0	
31/12/25	C112	31/12/25	Tiền Việt Nam	1121	3,076,222	0	
31/12/25	N642	31/12/25	Thuế GTGT đầu ra	33311	18,520	0	
31/12/25	N642	31/12/25	Các loại thuế khác	33382	2,000,000	0	
31/12/25	N911	31/12/25	Xác định kết quả kinh doanh	911	0	18,329,388	
			Tổng cộng số phát sinh		18,329,388	18,329,388	
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		18,329,388	18,329,388	
			Số dư cuối kỳ		0	0	
Thành phố Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025							
Người ghi sổ			Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		

2.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính

Trong năm 2025 Công ty TNHH MTV New File không phát sinh các khoản chi phí tài chính nên em xin phép không trình bày.

2.2.2.4. Kế toán chi phí khác

Trong năm 2025 Công ty TNHH MTV New File không phát sinh các khoản chi phí khác nên em xin phép không trình bày.

2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ theo quy định tại Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 thì thuế suất thuế TNDN hiện nay, doanh nghiệp thuộc đối tượng có doanh thu dưới 3 tỷ mức thuế được áp dụng là 15%.

Công thức tính thuế TNDN phải nộp như sau:

Tổng doanh thu, thu nhập = DTBH và CCDV + Doanh thu tài chính + Thu nhập khác

$$\begin{aligned} &= 2.150.414.510 + 12.444 + 0 \\ &= 2.150.426.954 \end{aligned}$$

Tổng chi phí = Giá vốn hàng bán + Chi phí bán hàng + Chi phí QLDN + Chi phí khác

$$\begin{aligned} &= 1.152.172.566 + 625.980.945 + 18.328.068 + 0 + 0 \\ &= 1.796.482.899 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Tổng LNKT} &= \text{Tổng doanh thu, thu nhập} - \text{Tổng chi phí} \\ &= 2.150.426.954 - 1.796.482.899 \\ &= 353.944.055 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Thu nhập chịu thuế} &= \text{Tổng LNKT} + \text{Điều chỉnh tăng} - \text{Điều chỉnh giảm} \\ &= 353.944.055 + 27.000.000 - 0 \\ &= 380.945.375 \end{aligned}$$

Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - Thu nhập miễn thuế - Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định

$$\begin{aligned} &= 380.945.375 - 0 - 63.110.728 \\ &= 317.834.647 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Thuế TNDN phải nộp} &= \text{Thu nhập tính thuế} * \text{Thuế suất} \\ &= 317.834.647 * 15\% \\ &= 47.675.197 \end{aligned}$$

Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp xem (Phụ lục 3.8)

Phụ lục chuyển lỗ năm 2025 xem (Phụ lục 3.9)

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE		Mẫu số S02A - DNN	
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu		(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)	
CHỨNG TỪ GHI SỔ			
Năm 2025			
			Số : N821
Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
Chi phí thuế TNDN năm 2025	821	3334	47,675,197
Cộng			47,675,197
Thành phố Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người lập	Kế toán trưởng		
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)		

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE		Mẫu số S02A - DNN	
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu		(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)	
CHỨNG TỪ GHI SỔ			
Năm 2025			
			Số : C821
Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
	Nợ	Có	
KC chi phí thuế TNDN năm 2025	911	821	47,675,197
Cộng			47,675,197
Thành phố Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người lập	Kế toán trưởng		
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)		

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE		Mẫu số: S02c1 - DNN	
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu		(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)	
SỔ CÁI			
Năm 2025			
Tài khoản 821 - Chi phí thuế TNDN hiện hành			
Ngày, tháng, ghi sổ	CHỨNG TỪ		SỐ TIỀN
	SỐ	NGÀY	
			DIỄN GIẢI
			TK ĐƯ
			NỢ
			CÓ
			Ghi chú
			Số dư đầu kỳ
			0
31/12/25	C821	31/12/25	KC chi phí thuế TNDN năm 2025
			911
31/12/25	N821	31/12/25	Chi phí thuế TNDN năm 2025
			3334
			47,675,197
			47,675,197
			Tổng cộng số phát sinh
			47,675,197
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12
			47,675,197
			Số dư cuối kỳ
			0
Thành phố Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người ghi sổ		Kế toán trưởng	
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)	
		Giám đốc	
		(Ký, họ tên, đóng dấu)	

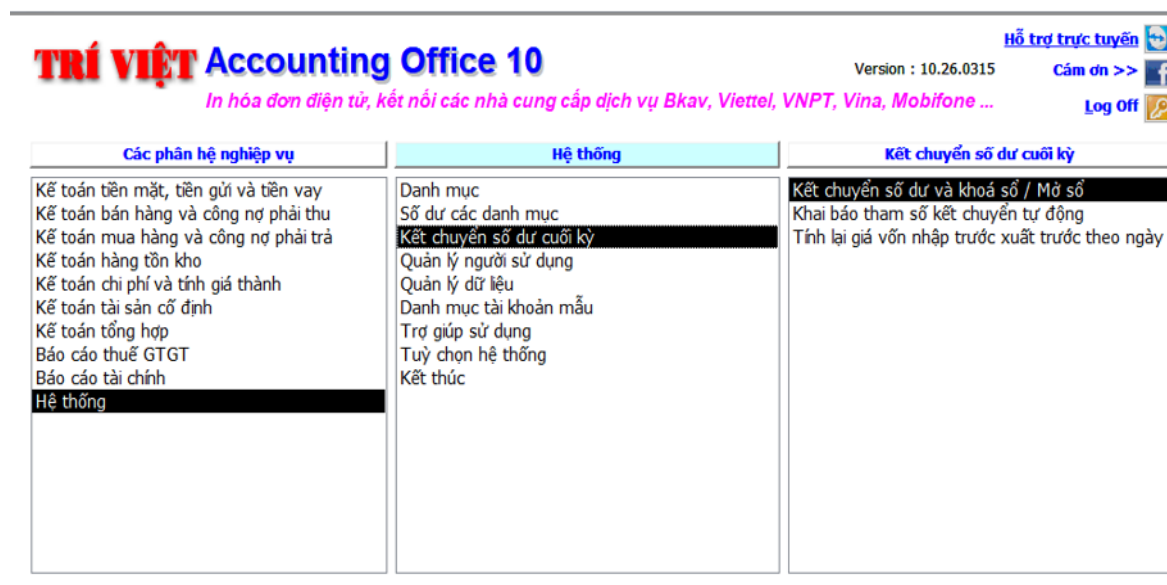
2.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển tất cả các tài khoản từ tài khoản 511, 515, 632, 6421, 6422 sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của Công ty TNHH MTV New File.

- Công ty sử dụng phần mềm kế toán nên việc xác định kết quả kinh doanh được kế toán thực hiện vào cuối năm bằng bút toán khóa sổ trên phần mềm kế toán Trí Việt. Các bút toán kết chuyển tự động trên phần mềm. Sau đó, dữ liệu sẽ được kết xuất sang sổ cái tài khoản 911.

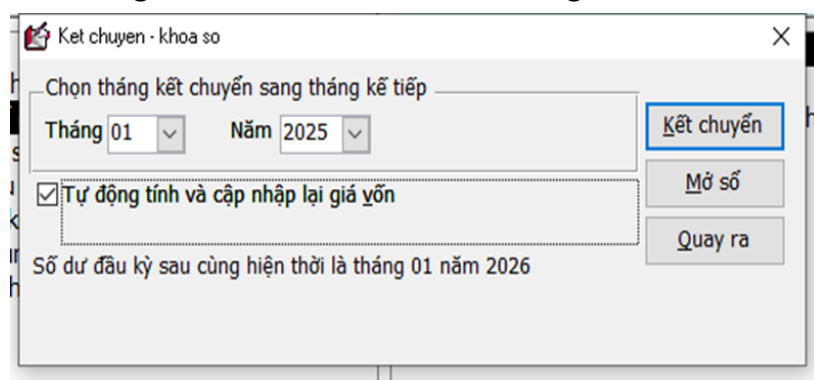
Kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu chi phí trên phần mềm như sau:

Bước 1: Vào “Hệ thống” → Chọn “Kết chuyển số dư cuối kỳ” → “Kết chuyển số dư và khóa sổ/ Mở sổ”.



Hình 2.27: Giao diện tiến hành kết chuyển số dư cuối kỳ

Bước 2: Kế toán bấm kích chọn theo trình tự chạy từ tháng 1 đến tháng 12. Thao tác: “bấm chọn Tháng 1 → kết chuyển xong bấm chọn tháng 2 → kết chuyển” và cứ làm liên tục đến tháng 12. Sau khi bấm chọn kết chuyển đến tháng 12 và dừng. Thì phần mềm tự động “Khóa sổ” tại thời điểm tháng 12.



Hình 2.28: Giao diện kết chuyển - khóa sổ

Để xem lại bút toán tự động của phần mềm chạy kết chuyển cuối kỳ: vào “Kế toán tổng hợp” → “Cập nhật số liệu” → “Bút toán kết chuyển tự động”.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE				Mẫu số S02A - DNN	
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)	
CHỨNG TỪ GHI SỔ					
Năm 2025					
				Số : N911	
Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú	
	Nợ	Có			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	911	4212	413,661,339		
Giá vốn hàng bán	911	632	1,152,172,566		
Chi phí bán hàng	911	6421	625,979,625		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	6422	18,329,388		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	911	821	47,675,197		
Cộng			2,257,818,115		
Thành phố Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Người lập		Kế toán trưởng			
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)			

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE

Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu

Mẫu số: S02c1 - DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CÁI							
Năm 2025							
Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh							
Ngày, tháng, ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN		Ghi chú
	SỐ	NGÀY			NỢ	CÓ	
			Số dư đầu kỳ		0	0	
31/12/25	C911	31/12/25	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	0	107,391,161	
31/12/25	C911	31/12/25	Doanh thu bán hàng hóa	5111	0	2,150,414,510	
31/12/25	C911	31/12/25	Doanh thu hoạt động tài chính	515	0	12,444	
31/12/25	N911	31/12/25	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	413,661,339	0	
31/12/25	N911	31/12/25	Giá vốn hàng bán	632	1,152,172,566	0	
31/12/25	N911	31/12/25	Chi phí bán hàng	6421	625,979,625	0	
31/12/25	N911	31/12/25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	18,329,388		
31/12/25	N911	31/12/25	Chi phí thuế TNDN hiện hành	821	47,675,197	0	
			Tổng cộng số phát sinh		2,257,818,115	2,257,818,115	
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		2,257,818,115	2,257,818,115	
			Số dư cuối kỳ		0	0	
Thành phố Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025							
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Giám đốc			
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)			

Dưới đây là báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025.

PHỤ LỤC

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH**

Năm 2025

Mẫu số: **B02 - DNN**
(Ban hành theo
Thông tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016 của
Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
NEW FILE

[03] Mã số thuế: 0402210550

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.150.414.510	882.312.587
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		2.150.414.510	882.312.587
4. Giá vốn hàng bán	11		1.152.172.566	757.389.301
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		998.241.944	124.923.286
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		12.444	7.840
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		644.309.013	185.517.797
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		353.945.375	(60.586.671)
10. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		353.945.375	(60.586.671)
14. Chi phí thuế TNDN	51		47.675.197	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		306.270.178	(60.586.671)

Lập ngày 25 tháng 03 năm
2026

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT**
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng
dấu)
Ngô Thị Mỹ Nhung

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE
Ngày ký: 21/05/2026 17:59:38.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV NEW FILE

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán tại Công ty TNHH MTV New File

3.1.1. Ưu điểm

- Về kế toán doanh thu, thu nhập:

Công tác kế toán doanh thu, thu nhập tại công ty được tổ chức tương đối hợp lý, các khoản doanh thu và thu nhập phát sinh được theo dõi, phản ánh đầy đủ vào sổ kế toán. Việc hạch toán được thực hiện dựa trên các chứng từ liên quan, góp phần cung cấp số liệu cho công tác xác định kết quả kinh doanh và lập báo cáo tài chính của công ty.

- Về kế toán chi phí:

Công tác kế toán chi phí tại công ty được thực hiện tương đối chặt chẽ, các khoản chi phí phát sinh được tập hợp và theo dõi theo từng nội dung, làm cơ sở cho việc xác định kết quả kinh doanh. Điều này giúp công ty kiểm soát được các khoản chi phí phát sinh và phục vụ cho công tác quản lý tài chính của đơn vị.

- Về kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Việc xác định kết quả kinh doanh tại công ty được thực hiện trên cơ sở tổng hợp doanh thu, thu nhập và chi phí phát sinh trong kỳ, qua đó phản ánh được kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị. Trong kỳ, công ty ***kinh doanh có lãi***, cho thấy hoạt động kinh doanh của đơn vị đạt hiệu quả.

- Về bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình ***tập trung, gọn nhẹ***, phù hợp với quy mô hoạt động và đặc điểm sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp. Hiện nay, công tác kế toán được thực hiện chủ yếu bởi ***kế toán trưởng và thủ quỹ kiêm nhân viên bán hàng***, trong đó mỗi vị trí đều đảm nhiệm các chức năng, nhiệm vụ cụ thể.

Thủ quỹ kiêm nhân viên bán hàng vừa thực hiện nhiệm vụ quản lý, thu – chi tiền mặt, vừa tham gia trực tiếp vào hoạt động bán hàng. Cách bố trí này giúp công ty ***tiết kiệm chi phí nhân sự***, đồng thời đảm bảo việc luân chuyển tiền và chứng từ bán hàng diễn ra nhanh chóng, thuận tiện. Các chứng từ liên quan đến thu – chi và bán hàng được lập, lưu trữ và chuyển giao cho bộ phận kế toán tương đối đầy đủ, góp phần hỗ trợ công tác hạch toán.

- Về chứng từ kế toán:

Hệ thống chứng từ kế toán tại công ty được tổ chức **tuong đối đầy đủ**, đáp ứng yêu cầu phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lập và sử dụng làm căn cứ cho việc ghi chép, hạch toán, góp phần đảm bảo tính chính xác của thông tin kế toán và phục vụ công tác kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.

- Về hình thức sổ kế toán và phần mềm kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán **Chứng từ ghi sổ** kết hợp với việc sử dụng phần mềm kế toán, phù hợp với đặc điểm hoạt động của đơn vị. **Chứng từ ghi sổ và Sổ Cái được lập theo năm**, giúp theo dõi và tổng hợp số liệu một cách có hệ thống, thuận tiện cho công tác lưu trữ, tra cứu và phục vụ việc lập báo cáo tài chính. Đồng thời, việc ứng dụng phần mềm kế toán góp phần xử lý số liệu nhanh chóng, giảm bớt khối lượng ghi chép thủ công, nâng cao độ chính xác và hiệu quả trong công tác kế toán.

3.1.2. Nhược điểm

- Về kế toán doanh thu, thu nhập:

Ngoài doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, công ty còn **phát sinh khoản thu từ việc bán phế liệu như mica, alu dư thừa sau khi cắt theo yêu cầu của khách hàng**. Tuy nhiên, khoản thu này hiện chưa được công ty theo dõi và hạch toán vào sổ kế toán. Việc chưa ghi nhận khoản thu nhập khác phát sinh làm cho số liệu kế toán chưa phản ánh đầy đủ các nguồn thu thực tế của doanh nghiệp, từ đó ảnh hưởng đến tính chính xác trong công tác xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Đồng thời, việc không theo dõi riêng khoản thu này cũng dễ dẫn đến tình trạng thất thoát hoặc khó kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.

Ví dụ minh họa 9:

Trong tháng 12/2025, sau khi hoàn thành một đơn hàng thi công bảng hiệu quảng cáo, công ty còn dư một số tấm mica và alu không tiếp tục sử dụng. Số vật liệu này được bán cho cơ sở thu mua phế liệu với giá 2.000.000 đồng và công ty đã thu đủ tiền mặt. Tuy nhiên, khoản thu này không được lập chứng từ và không được hạch toán vào tài khoản thu nhập khác trên sổ kế toán.

- Về kế toán chi phí:

Trong năm 2025, công ty **không thực hiện trích các khoản BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ theo quy định**, điều này **chưa đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về các khoản trích theo lương**. Đồng thời, việc không ghi nhận các khoản này cũng làm cho chi phí trong kỳ chưa phản ánh đầy đủ, ảnh hưởng đến tính hợp lý của công tác kế toán chi phí tại công ty.

Ví dụ minh họa 10:

Trong tháng 12/2025, tổng tiền lương phải trả cho người lao động tại công ty là 49.573.000 đồng. Tuy nhiên, công ty không thực hiện trích BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ theo quy định mà chỉ ghi nhận chi phí tiền lương. Vì vậy, chi phí phát sinh trong kỳ chưa được phản ánh đầy đủ trên sổ kế toán.

Kế toán thực hiện ***ghi nhận nghiệp vụ chi trả lương cho người lao động trước, đến cuối kỳ mới tổng hợp và hạch toán chi phí tiền lương***. Điều này làm cho trình tự ghi nhận trên phần mềm chưa phản ánh đầy đủ quy trình kế toán tiền lương theo nguyên tắc ghi nhận chi phí tại thời điểm phát sinh.

Ví dụ minh họa 11:

Ngày 10/12/2025, công ty thực hiện thanh toán tiền lương cho người lao động với số tiền 49.573.000 đồng. Tuy nhiên, kế toán chỉ ghi nhận nghiệp vụ chi trả lương trên phần mềm, đến cuối tháng mới tiến hành tổng hợp và hạch toán chi phí tiền lương vào các tài khoản liên quan. Do đó, chi phí tiền lương chưa được ghi nhận kịp thời tại thời điểm phát sinh mà được phản ánh tập trung vào cuối kỳ kế toán.

- Về kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Việc xác định kết quả kinh doanh tại công ty có thể ***chưa phản ánh chính xác đầy đủ kết quả hoạt động thực tế***, do một số khoản doanh thu và chi phí ghi nhận chưa thật sự phù hợp. Điều này có thể ảnh hưởng đến độ tin cậy của số liệu khi đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.

- Về bộ máy kế toán:

Việc ***kiêm nhiệm nhiều chức năng*** ở vị trí thủ quỹ và nhân viên bán hàng có thể là tiềm ẩn rủi ro trong công tác kiểm soát nội bộ, đặc biệt là đối với tiền mặt và doanh thu bán hàng.

- Về chứng từ kế toán:

Hệ thống chứng từ kế toán tại công ty vẫn còn một số ***thiếu sót, chưa thật sự đầy đủ*** trong quá trình lập và sử dụng, làm ảnh hưởng đến tính chặt chẽ của công tác kế toán, đồng thời gây khó khăn cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu khi cần thiết.

- Về hình thức sổ kế toán và phần mềm kế toán:

Công ty lập ***Chứng từ ghi sổ và Sổ Cái theo năm***, nên khối lượng số liệu tập trung trong một kỳ dài, gây khó khăn cho việc theo dõi, kiểm tra và đối chiếu số liệu. Bên cạnh đó, một số ***mẫu sổ chi tiết*** vẫn còn tình trạng ***chưa ghi đầy đủ thông tin như mục khách hàng và mã khách hàng***, làm cho nội dung sổ kế toán chưa thật sự hoàn chỉnh, ảnh hưởng đến việc tra cứu và quản lý thông tin kế toán khi cần thiết.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV New File

- Về kế toán doanh thu, thu nhập:

Đối với ***khoản thu từ bán phế liệu như mica, alu dư thừa sau khi cắt theo yêu cầu của khách hàng***, công ty cần lập đầy đủ chứng từ đối với các khoản thu từ bán phế liệu phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Khi phát sinh nghiệp vụ, kế toán cần lập “Phiếu thu” và tổng hợp vào “Bảng kê chứng từ” theo tài khoản để làm căn cứ lập “Chứng từ ghi sổ” và ghi nhận vào “Sổ Cái tài khoản 711” – Thu nhập khác. Đồng thời, công ty nên mở Sổ chi tiết tài khoản 711 để theo dõi riêng các khoản thu từ bán phế liệu, đảm bảo phản ánh đầy đủ nguồn thu phát sinh và thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu.

- Về kế toán chi phí:

Công ty cần thực hiện trích lập đầy đủ các khoản BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ theo tỷ lệ quy định trên tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm của người lao động. Căn cứ vào Bảng thanh toán tiền lương, Bảng tính và phân bổ tiền lương, bảo hiểm xã hội cùng các chứng từ liên quan, kế toán thực hiện hạch toán các khoản trích theo lương vào chi phí trong kỳ. Đồng thời, kế toán cần tổng hợp các nghiệp vụ vào Bảng kê chứng từ theo tài khoản để lập Chứng từ ghi sổ, ghi Sổ Cái và Sổ chi tiết các tài khoản liên quan, đảm bảo chi phí được phản ánh đầy đủ, chính xác theo quy định.

Chứng từ:

- Bảng chấm công.
- Bảng thanh toán tiền lương.
- Bảng tính và phân bổ tiền lương, BHXH.
- Chứng từ nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ

Sổ kế toán:

- Bảng kê chứng từ theo TK 334, 338, 642
- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ Cái TK 334 – Phải trả người lao động.
- Sổ Cái TK 338 – Phải trả, phải nộp khác.
- Sổ chi tiết TK 334 và TK 338.

BHXH: 17,5%

BHYT: 3%

BHTN: 1%

KPCĐ: 2%

Tổng: **23,5%**

$49.573.000 \times 23,5\% \approx 11.649.655$ đồng

Doanh nghiệp nên thực hiện ***ghi nhận chi phí tiền lương phải trả cho người lao động trước khi thực hiện thanh toán lương thực tế***. Đồng thời, các khoản tạm ứng lương và thanh toán lương cần được cập nhật theo từng nghiệp vụ phát sinh

trên phần mềm kế toán nhằm đảm bảo việc theo dõi công nợ phải trả người lao động được đầy đủ, rõ ràng và thuận tiện cho công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu cuối kỳ.

Theo nguyên tắc, khi xác định tiền lương phải trả, kế toán phải ghi nhận chi phí trước: Nợ TK 6421: 49.573.000

Có TK 334: 49.573.000

Khi thanh toán lương ngày 10/12/2025:

Nợ TK 334: 49.573.000

Có TK 111/112: 49.573.000

- Về kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Công ty cần thực hiện rà soát đầy đủ các khoản doanh thu, thu nhập khác và chi phí phát sinh trước khi kết chuyển xác định kết quả kinh doanh. Đối với khoản thu từ bán phế liệu, kế toán cần lập đầy đủ chứng từ và hạch toán vào tài khoản 711 – Thu nhập khác. Đồng thời, công ty cần thực hiện trích đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ và ghi nhận chi phí tiền lương đúng thời điểm phát sinh. Trước khi kết chuyển sang tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần đối chiếu số liệu các tài khoản 511, 515, 632, 642 và 711 nhằm đảm bảo kết quả kinh doanh được xác định chính xác và phản ánh đúng tình hình hoạt động của công ty.

- Về bộ máy kế toán:

Công ty nên phân tách chức năng giữa thủ quỹ và nhân viên bán hàng nhằm tăng cường hiệu quả kiểm soát nội bộ. Theo đó, nhân viên bán hàng chỉ thực hiện việc bán hàng, lập hóa đơn và giao dịch với khách hàng; thủ quỹ chịu trách nhiệm thu, chi và quản lý tiền mặt. Trường hợp chưa đủ nhân sự để bố trí riêng từng vị trí, công ty cần tăng cường kiểm tra, đối chiếu định kỳ giữa hóa đơn bán hàng, phiếu thu, sổ quỹ và số tiền mặt thực tế tồn quỹ. Đồng thời, việc đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các giao dịch có giá trị lớn cũng góp phần hạn chế rủi ro thất thoát tiền mặt và nâng cao tính minh bạch trong công tác quản lý doanh thu.

- Về chứng từ kế toán:

Công ty cần thực hiện lập Phiếu thu đối với tất cả các khoản thu tiền mặt phát sinh từ hoạt động bán hàng và các nghiệp vụ khác. Phiếu thu phải được lập kịp thời, có đầy đủ chữ ký của các bên liên quan và được lưu kèm với các chứng từ gốc để làm căn cứ hạch toán. Đồng thời, kế toán cần kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ chứng từ trước khi ghi sổ nhằm đảm bảo các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều có chứng từ hợp lệ. Việc thực hiện đầy đủ Phiếu thu sẽ góp phần nâng cao tính chặt chẽ của hệ thống chứng từ kế toán, tăng cường kiểm soát tiền mặt và tạo thuận lợi cho công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu khi cần thiết.

- Về hình thức sổ kế toán và phần mềm kế toán:

Đối với các sổ chi tiết, công ty cần quy định bắt buộc nhập đầy đủ nội dung tên khách hàng và mã khách hàng trên phần mềm kế toán. Kế toán trưởng nên thực hiện kiểm tra định kỳ trước khi in sổ kế toán nhằm đảm bảo các chỉ tiêu thông tin được cập nhật đầy đủ, thống nhất giữa chứng từ gốc và sổ kế toán. Qua đó nâng cao tính đầy đủ, chính xác của thông tin kế toán.

77

KẾT LUẬN

Sau quá trình nghiên cứu cơ sở lý luận kết hợp với tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH MTV New File, em đã lựa chọn đề tài: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH MTV New File” để làm nội dung nghiên cứu cho luận văn tốt nghiệp của mình.

Thông qua quá trình tìm hiểu thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, em nhận thấy đơn vị đã xây dựng được bộ máy kế toán tương đối phù hợp, công tác hạch toán được thực hiện khá đầy đủ và đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Bên cạnh những ưu điểm đạt được, vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần được quan tâm khắc phục nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán tại đơn vị. Từ những kiến thức đã học cùng với thực tế thu thập được trong thời gian thực tập, em đã mạnh dạn đưa ra một số nhận xét và đề xuất nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH MTV New File, em đã có cơ hội tiếp cận với môi trường làm việc thực tế, được vận dụng những kiến thức đã học vào công việc chuyên môn và học hỏi thêm nhiều kinh nghiệm bổ ích. Đặc biệt, sự hướng dẫn tận tình và hỗ trợ của các anh chị trong bộ phận kế toán đã giúp em nâng cao hiểu biết thực tế cũng như củng cố thêm kiến thức chuyên ngành kế toán.

Tuy nhiên, do thời gian thực tập còn hạn chế và kiến thức chuyên môn của bản thân vẫn chưa thật sự sâu rộng nên luận văn khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy, em rất mong nhận được sự góp ý quý báu từ Giáo viên hướng dẫn, quý thầy cô phản biện cùng các anh chị tại Công ty TNHH MTV New File để bài luận văn được hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.
2. Tài liệu sổ sách liên quan đến phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV New File.
3. Các bài khóa luận tốt nghiệp trên thư viện trường.

PHỤ LỤC

[illegible]

Phụ lục 3.1: Sổ chi tiết TK 5111

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE							Mẫu số: S19-DNN	
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu							(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)	
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính								
CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN		
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ	
				Tồn đầu kỳ		0	0	
18/01	000008	KH 156	Ngân Hàng TM CP Quân Đội	Thu lãi tiền gửi T1/2025	1121	0	3,416	
31/01	KC-000004			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	3,416	0	
15/02	000002	KH 156	Ngân Hàng TM CP Quân Đội	Thu lãi tiền gửi T2/2025	1121	0	1,392	
28/02	KC-000004			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	1,392	0	
15/03	000008	KH 156	Ngân Hàng TM CP Quân Đội	Thu lãi tiền gửi T3	1121	0	1,146	
31/03	KC-000004			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	1,146	0	
20/04	000005	KH 156	Ngân Hàng TM CP Quân Đội	Thu lãi tiền gửi T4	1121	0	1,343	
30/04	KC-000004			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	1,343	0	
17/05	000007	KH 156	Ngân Hàng TM CP Quân Đội	Thu lãi tiền gửi T5	1121	0	721	
31/05	KC-000004			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	721	0	
22/06	000008	KH 156	Ngân Hàng TM CP Quân Đội	Thu lãi tiền gửi T6	1121	0	1,233	
30/06	KC-000004			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	1,233	0	
20/07	000011	KH 156	Ngân Hàng TM CP Quân Đội	Thu lãi tiền gửi T7	1121	0	622	
31/07	KC-000004			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	622	0	
16/08	000008	KH 156	Ngân Hàng TM CP Quân Đội	Thu lãi tiền gửi T8	1121	0	796	
31/08	KC-000004			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	796	0	
21/09	000017	KH 156	Ngân Hàng TM CP Quân Đội	Thu lãi tiền gửi T9	1121	0	387	
30/09	KC-000004			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	387	0	
19/10	000012	KH 156	Ngân Hàng TM CP Quân Đội	Thu lãi tiền gửi T10	1121	0	216	
31/10	KC-000004			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	216	0	
16/11	000008	KH 156	Ngân Hàng TM CP Quân Đội	Thu lãi tiền gửi T11	1121	0	251	
30/11	KC-000004			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	251	0	
21/12	000028	KH 156	Ngân Hàng TM CP Quân Đội	Thu lãi tiền gửi T12	1121	0	921	
31/12	KC-000004			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	921	0	
				Tổng cộng phát sinh		12,444	12,444	
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		12,444	12,444	
				Số dư cuối kỳ		0	0	
					Thành phố Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người ghi sổ		Kế toán trưởng			Giám đốc			
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			

Phụ lục 3.2: Sổ chi tiết TK 515

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán										☐ Mẫu rút gọn			Sửa CT	Xem In	Xuất Excel	Quay ra
ST	Ngày CT	Số CT	Khách hàng	Tồn đầu kỳ	Diễn giải	TKĐ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Mã KH	Mã vụ việc						
0							108.310.589	0	0							
1	31/01/25	KC-00000		KC Chi phí SXKD vào giá vốn		154										
2	31/01/25	KC-00000		KC Giá vốn vào KQ SXKD		911	0	108.310.589								
3	28/02/25	KC-00000		KC Chi phí SXKD vào giá vốn		154	32.459.883	0								
4	28/02/25	KC-00000		KC Giá vốn vào KQ SXKD		911	0	32.459.883								
5	31/03/25	KC-00000		KC Chi phí SXKD vào giá vốn		154	261.120.803	0								
6	31/03/25	KC-00000		KC Giá vốn vào KQ SXKD		911	0	261.120.803								
7	30/04/25	KC-00000		KC Chi phí SXKD vào giá vốn		154	63.821.288	0								
8	30/04/25	KC-00000		KC Giá vốn vào KQ SXKD		911	0	63.821.288								
9	31/05/25	KC-00000		KC Chi phí SXKD vào giá vốn		154	39.963.805	0								
10	31/05/25	KC-00000		KC Giá vốn vào KQ SXKD		911	0	39.963.805								
11	30/06/25	KC-00000		KC Chi phí SXKD vào giá vốn		154	63.658.662	0								
12	30/06/25	KC-00000		KC Giá vốn vào KQ SXKD		911	0	63.658.662								
13	31/07/25	KC-00000		KC Chi phí SXKD vào giá vốn		154	63.097.188	0								
14	31/07/25	KC-00000		KC Giá vốn vào KQ SXKD		911	0	63.097.188								
15	31/08/25	KC-00000		KC Chi phí SXKD vào giá vốn		154	63.962.676	0								
16	31/08/25	KC-00000		KC Giá vốn vào KQ SXKD		911	0	63.962.676								
17	30/09/25	KC-00000		KC Chi phí SXKD vào giá vốn		154	88.342.894	0								
18	30/09/25	KC-00000		KC Giá vốn vào KQ SXKD		911	0	88.342.894								
19	31/10/25	KC-00000		KC Chi phí SXKD vào giá vốn		154	99.982.123	0								
20	31/10/25	KC-00000		KC Giá vốn vào KQ SXKD		911	0	99.982.123								
21	30/11/25	KC-00000		KC Chi phí SXKD vào giá vốn		154	122.525.614	0								
22	30/11/25	KC-00000		KC Giá vốn vào KQ SXKD		911	0	122.525.614								
23	31/12/25	KC-00000		KC Chi phí SXKD vào giá vốn		154	144.927.041	0								
24	31/12/25	KC-00000		KC Giá vốn vào KQ SXKD		911	0	144.927.041								
0				Tổng cộng phát sinh			1.152.172.566	1.152.172.566								
0				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12			1.152.172.566	1.152.172.566								
0				Số dư cuối kỳ			0	0								

Phụ lục 3.3: Sổ chi tiết TK 632

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu

PHIẾU KẾ TOÁN Số CT: 000003
Ngày 31 tháng 12 năm 2025 CT gốc:

Lý do: Phân bổ CCDC Máy cân màng DMAIS năm 2025

Ghi nợ	ĐT ghi nợ	Ghi có	ĐT ghi có	Diễn giải	Số tiền
6421	KH_010	242	KH_010	Phân bổ CCDC Máy cân màng DMAIS năm 2025	9.333.336
				Tổng cộng	9.333.336

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngô Thị Mỹ Nhung

Phụ lục 3.4: Phiếu kế toán phân bổ CCDC ngày 31/12/2025

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu
Điện thoại: 0387109193

Mẫu số 02 - TT
(Ban hành theo TT số 135/2016/TT-BTC
ngày 26/6/2016 của BTC)

PHIẾU CHI
Ngày 29 tháng 11 năm 2025

Số: 000015
No: 6422.1331
Cò: 1111

Họ tên người nhận tiền: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI- CHI NHANH MIỀN TRUNG
Địa chỉ: Đường Số 4, Khu Công Nghiệp Hòa Khánh P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Lý do chi: Thanh toán phí vệ sinh T11/2025, HĐ 131381
Số tiền: 162.000 đồng
(Viết bằng chữ) Một trăm sáu mươi hai ngàn đồng

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngô Thị Mỹ Nhung
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Kèm theo:
Chứng từ gốc

viết phố Đà Nẵng, Ngày tháng năm 2

Phụ lục 3.5: Phiếu chi phí vệ sinh tháng 11 năm 2025 HĐ 131381

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên Chiểu

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng

CHUNG TỬ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
31/01	KC-000002			KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	334	37,600,000	0
31/01	KC-000006			KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	37,600,000
28/02	000001	NCC_007	CÔNG TY TNHH TM & DV DA NANG MEDIA	Phi chuyển tiền	1121	19,800	0
28/02	KC-000002			KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	334	43,483,000	0
28/02	KC-000006			KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	43,502,800
04/03	000001	KH_157	CONG TY TNHH METAL DA NANG	Phi chuyển tiền	1121	19,800	0
23/03	000020	NCC_034	Đoàn Ngọc Sang	Thanh toán tiền mua móc khóa trơn làm cho Đoàn hàng Đại Học Duy Tân	1111	27,000,000	0
31/03	KC-000002			KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	334	53,170,000	0
31/03	KC-000006			KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	80,189,800
30/04	KC-000002			KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	334	47,537,000	0
30/04	KC-000006			KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	47,537,000
31/05	KC-000002			KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	334	48,565,000	0
31/05	KC-000006			KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	48,565,000
18/06	000004	NCC-033	CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO KIỂM PHONG KIM	Thanh toán tiền gia công in UV trên Mica (20.000 cái) Đơn Duy Tân HĐ 87. Ngày 18/06/2025	1111	14,000,000	0
30/06	KC-000002			KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	334	47,172,000	0
30/06	KC-000006			KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	61,172,000
31/07	KC-000002			KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	334	51,655,000	0
31/07	KC-000006			KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	51,655,000
31/08	KC-000002			KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	334	50,541,000	0
31/08	KC-000006			KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	50,541,000
30/09	KC-000002			KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	334	48,032,000	0
30/09	KC-000006			KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	48,032,000
31/10	KC-000002			KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	334	51,543,000	0
31/10	KC-000006			KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	51,543,000
30/11	KC-000002			KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	334	46,728,000	0
30/11	KC-000006			KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	46,728,000
31/12	000001	KH_121	CÔNG TY TNHH HOÀNG PHÚC LỘC PHÁT	Xử lý công nợ 131	131	0	200
31/12	000001	KH_088	XI NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 6 HÀ NỘI - TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI	Xử lý công nợ 131	131	0	400
31/12	000001	KH_010	CÔNG TY TNHH MTV NEW FILE	Xử lý công nợ 131	131	400	0
31/12	000001	KH_010	CÔNG TY TNHH MTV NEW FILE	Xử lý công nợ 131	131	600	0
31/12	000001	KH_010	CÔNG TY TNHH MTV NEW FILE	Xử lý công nợ 131	131	800	0
31/12	000001	KH_010	CÔNG TY TNHH MTV NEW FILE	Xử lý công nợ 131	131	1,209	0
31/12	000001	KH_010	CÔNG TY TNHH MTV NEW FILE	Xử lý công nợ 131	131	6,000	0
31/12	000002	NCC_020	CÔNG TY TNHH HẢI MÁY IN	Điều chỉnh công nợ 331	331	0	120
31/12	000002	NCC_022	CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN TỬ UYỀN VIỆT TIẾN	Điều chỉnh công nợ 331	331	0	600
31/12	000003	KH_010	CÔNG TY TNHH MTV NEW FILE	Phân bổ CCDC Máy cán màng DMAIS năm 2025	242	9,333,336	0
31/12	KC-000002			KC Quỹ lương sang chi phí QL nhân viên	334	49,573,000	0
31/12	KC-000006			KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	58,914,025
				Tổng cộng phát sinh		625,980,945	625,980,945
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		625,980,945	625,980,945
				Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Thành phố Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	Giám đốc
		(Ký, họ tên)

Phụ lục 3.6: Sổ chi tiết TK 6421

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE						Mẫu số: S19-DNN
Địa chỉ: 465 Nguyễn Lương Bằng, Phường Liên chiểu						(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN						
Năm 2025						
Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp						
CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN
NGÀY	SỐ CT					NỢ CÓ
				Tồn đầu kỳ		0 0
19/01	000002	KH 010	CÔNG TY TNHH MTV NEW FILE	Điều chỉnh giảm thuế GTGT HD 311 (31/12/2024) đã xuất giảm tiền thuế tại HD 31(19/01/2025	33311	18,520 0
27/01	000023	NCC 012	CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI- CHI NHÁNH MIỀN TRUNG	Thanh toán phí vệ sinh tháng 1.2025. HD 9570	1111	300,000 0
31/01	KC-000007			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0 318,520
10/03	000002	KH 156	Ngân Hàng TM CP Quân Đội	Phí sao kê tài khoản	1121	55,000 0
28/03	000017	NCC 015	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ HƯƠNG SƠN	Chi tiếp khách. HD 465	1111	909,091 0
28/03	000017	NCC 015	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ HƯƠNG SƠN	Chi tiếp khách. HD 465	1111	4,474,999 0
31/03	000018	NCC 012	CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI- CHI NHÁNH MIỀN TRUNG	Thanh toán phí vệ sinh T3/2025	1111	150,000 0
31/03	KC-000007			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0 5,589,090
29/04	000010	NCC 012	CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI- CHI NHÁNH MIỀN TRUNG	Thanh toán phí vệ sinh tháng 4/2025. HD 45067	1111	150,000 0
30/04	KC-000007			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0 150,000
23/05	000010	NCC-032	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TÂN PHI VÂN	Thanh toán tiền vé máy bay công tác phí của Ngô Thị Mỹ Nhung	1111	357,000 0
23/05	000010	NCC-032	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TÂN PHI VÂN	Thanh toán tiền vé máy bay công tác phí của Ngô Thị Mỹ Nhung	1111	3,062,037 0
31/05	000012	NCC 012	CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI- CHI NHÁNH MIỀN TRUNG	Thanh toán phí vệ sinh tháng 5/2025. HD 58017	1111	150,000 0
31/05	KC-000007			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0 3,569,037
12/06	000002	NCC-032	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TÂN PHI VÂN	Thanh toán vé máy bay công tác phí của Ngô Thị Mỹ Nhung. HD 30543	1111	238,000 0
12/06	000002	NCC-032	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TÂN PHI VÂN	Thanh toán vé máy bay công tác phí của Ngô Thị Mỹ Nhung. HD 30543	1111	2,393,519 0
25/06	000009	NCC 012	CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI- CHI NHÁNH MIỀN TRUNG	Thahh toán phí vệ sinh T6.2025. HD 70192	1111	150,000 0
30/06	KC-000007			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0 2,781,519
28/07	000006	NCC 012	CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI- CHI NHÁNH MIỀN TRUNG	Thanh toán phí vệ sinh tháng 7/2025. HD 82119	1111	150,000 0
31/07	KC-000007			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0 150,000
19/08	000003	NCC 026	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ ARITO	Chuyển tiền mua chữ ký số	1121	1,079,000 0
21/08	000012	NCC 012	CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI- CHI NHÁNH MIỀN TRUNG	Thanh toán phí vệ sinh tháng 8.2025. HD 91373	1111	150,000 0
31/08	KC-000007			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0 1,229,000
30/09	000012	NCC 012	CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI- CHI NHÁNH MIỀN TRUNG	Thanh toán phí vệ sinh T9/2025. HD 106799	1111	150,000 0
30/09	KC-000007			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0 150,000
13/10	000006	NCC 026	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ ARITO	Chuyển trả tiền chữ ký số	1121	1,222,222 0
31/10	000016	NCC 012	CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI- CHI NHÁNH MIỀN TRUNG	Thanh toán phí vệ sinh tháng 10/2025. HD 118327	1111	150,000 0
31/10	KC-000007			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0 1,372,222
29/11	000015	NCC 012	CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI- CHI NHÁNH MIỀN TRUNG	Thanh toán phí vệ sinh T11/2025. HD 131381	1111	150,000 0
29/11	000007	KH 156	Ngân Hàng TM CP Quân Đội	Phí duy trì SMS banking	1121	720,000 0
30/11	KC-000007			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0 870,000
18/12	000007	NCC 012	CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI- CHI NHÁNH MIỀN TRUNG	Thanh toán tiền phí vệ sinh T12.2025. HD 141095	1111	150,000 0
31/12	000004	KH 010	CÔNG TY TNHH MTV NEW FILE	Kết chuyển thuế môn bài 2025	33382	2,000,000 0
31/12	KC-000007			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0 2,150,000
				Tổng cộng phát sinh		18,329,388 18,329,388
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		18,329,388 18,329,388
				Số dư cuối kỳ		0 0
				Thành phố Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ		Kế toán trưởng			Giám đốc	
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)	

Phụ lục 3.7: Sổ chi tiết TK 6422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)
(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số: 03/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTN ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: C18 - In, sao chép bản ghi các loại
[05] Tỷ lệ (%): 90,00 %
[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE
[07] Mã số thuế: 0402210550

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

STT		Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam	
(1)	Chi tiêu (2)	Mã chi tiêu (3)	Số tiền (4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	353.945.375
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	27.000.000
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	27.000.000
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	380.945.375
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	380.945.375
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	380.945.375
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
	Loại thu nhập miễn thuế		0
	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	63.110.728
	Trong đó:		
	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	63.110.728
	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0

Phụ lục 3.8: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025

4	Thu nhập tính thuế (TNTT) ($C4=C1-C2-C3$)	C4	317.834.647
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($C6=C4-C5=C7+C8$)	C6	317.834.647
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 15%	C7	317.834.647
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C9=(C7 \times 15\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	47.675.197
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17=C9-C10-C14-C15-C16$)	C17	47.675.197
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BDS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BDS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3=D1-D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5=D3-D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BDS còn phải nộp kỳ này ($D8=D6-D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E=E1+E2+E5$)	E	47.675.197
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	47.675.197
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G=G1+G2+G3+G4+G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BDS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BDS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

H Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp		H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	47.675.197
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BDS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
1	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=H1+H2$)	I	47.675.197
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	47.675.197
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 25 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ngô Thị Mỹ Nhung

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BDS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này;
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 47.675.197 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE
Ngày ký: 25/03/2026 11:05:15.

Phụ lục 3.8: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025

PHỤ LỤC
CHUYỂN LỖ

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số
03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
NEW FILE

[03] Mã số thuế: 0402210550

Mẫu số: **03-
2/TNDN**
(Ban hành kèm
theo Thông tư
số 80/2021/TT-
BTC ngày 29
tháng 9 năm
2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài
chính)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước	Số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế này	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Lỗ của hoạt động sản xuất kinh doanh được chuyển trong kỳ				
1	2020	0	0	0	0
2	2021	0	0	0	0
3	2022	0	0	0	0
4	2023	2.524.057	0	2.524.057	0
5	2024	60.586.671	0	60.586.671	0
	Tổng cộng			63.110.728	
II	Lỗ của hoạt động chuyển nhượng bất động sản được chuyển trong kỳ				
1	2020	0	0	0	0
2	2021	0	0	0	0
3	2022	0	0	0	0
4	2023	0	0	0	0
5	2024	0	0	0	0
	Tổng cộng			0	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số
liệu đã khai./...

Ngày 25 tháng 03 năm 2026

**NHÂN VIÊN ĐẠI
LÝ THUẾ**
Họ và tên:

Chứng chỉ hành
nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu
(nếu có)/Ký điện tử)

Ngô Thị Mỹ Nhung

Ghi chú:

- Số liệu chỉ tiêu [04] được tổng hợp vào chỉ tiêu C3a của Tờ khai 03/TNDN;
- Số liệu chỉ tiêu [05] được tổng hợp vào chỉ tiêu D2 của Tờ khai 03/TNDN.

 Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE**
Ngày ký: 21/05/2026 17:58:29.

Phụ lục 3.9: Phụ lục chuyển lỗ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP

1. Thông tin chung

- Họ tên sinh viên: Ngô Thị Minh Thư
- Trường: Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
- Chuyên ngành: Kế toán
- MSSV: 2254010024
- Đơn vị thực tập: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NEW FILE

2. Nhận xét của đơn vị về quá trình thực tập của sinh viên

Thân gửi Thủ thư tập tại Công ty chúng tôi rất cảm ơn Thủ thư tập đã nỗ lực học tập, làm việc trước đây lấy về của mình lịch các học hỏi trao đổi liên tục từ công việc, học tập lại về với môi trường làm việc.

Người nhận xét

(Ghi rõ họ và tên, ký và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Mỹ Nhung